

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH  
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN



**TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**  
**MÔN GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG**

*GV biên soạn: Nguyễn Thị Ngọc Xuân*

Trà Vinh, tháng 06 năm 2014

<b>Ngày ban hành:</b> .....	
<b>DUYỆT CỦA BỘ MÔN</b>	<b>GIÁO VIÊN BIÊN SOẠN</b>  <b>NGUYỄN THỊ NGỌC XUÂN</b>

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>CHƯƠNG 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC .....</b>	<b>4</b>
BÀI 1: GIÁO DỤC LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI ĐẶC BIỆT .....	4
BÀI 2: CÁC CHỨC NĂNG GIÁO DỤC .....	8
BÀI 3: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC .....	12
BÀI 4: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC HỌC .....	21
BÀI 5: CẤU TRÚC CỦA GIÁO DỤC HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO DỤC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC .....	25
<b>CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH .....</b>	<b>27</b>
BÀI 1: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH .....	27
BÀI 2: GIÁO DỤC VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH .....	38
THEO LỨA TUỔI .....	38
<b>CHƯƠNG 3: MỤC ĐÍCH, NGUYÊN LÝ VÀ CÁC CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC</b>	<b>44</b>
BÀI 1: MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU GIÁO DỤC .....	44
BÀI 2: NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC .....	54
<b>CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM .....</b>	<b>59</b>
BÀI 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN .....	59
BÀI 2: CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM .....	62
<b>CHƯƠNG 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN .....</b>	<b>69</b>
BÀI 1: VAI TRÒ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN .....	69
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>80</b>

# CHƯƠNG 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

## BÀI 1

### GIÁO DỤC LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI ĐẶC BIỆT

---

#### ❖ Mục tiêu học tập:

1. Giải thích giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt
2. Phân tích nội dung các tính chất cơ bản của giáo dục

---

#### ❖ Nội dung bài học

##### 1. Giáo dục là nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội loài người

Ngay từ khi xuất hiện trên trái đất, để tồn tại con người phải tiến hành hoạt động lao động. Trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày con người tiến hành nhận thức thế giới xung quanh, dần dần tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm phong phú bao gồm các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cùng những giá trị văn hóa xã hội như các chuẩn mực về đạo đức, niềm tin, các dạng hoạt động giao lưu của con người trong xã hội... Để duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, con người có nhu cầu trao đổi và truyền thụ lại những kinh nghiệm đã tích lũy ấy cho nhau. Sự truyền thụ và tiếp thu hệ thống kinh nghiệm đó chính là hiện tượng giáo dục.

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt vì chỉ có trong xã hội loài người giáo dục mới nảy sinh, phát triển và tồn tại vĩnh hằng. Xã hội loài người ngày càng biến đổi, phát triển, giáo dục cũng phát triển và trở thành một hoạt động được tổ chức chuyên biệt: có chương trình, kế hoạch, có nội dung, phương pháp khoa học... Như vậy, giáo dục là hoạt động truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội từ thế hệ trước cho thế hệ sau nhằm chuẩn bị cho thế hệ sau tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội.

Một quy luật của sự tiến bộ xã hội là thế hệ trước phải truyền lại cho thế hệ sau những hiểu biết, năng lực, phẩm chất cần thiết cho cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng. Thế hệ sau không chỉ lĩnh hội, kế thừa các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, giá trị... mà còn phải tìm tòi, sáng tạo và làm phong phú hơn những giá trị đó. Nhờ lĩnh hội, tiếp thu, phát triển những kinh nghiệm mà mỗi cá nhân hình thành và phát triển nhân cách của mình. Nhân cách mỗi người được phát triển ngày càng đầy đủ, phong phú, đa dạng, sức mạnh về tinh thần và thể chất của mỗi con người được phát huy sẽ tạo nên nguồn lực cơ bản đáp ứng

các yêu cầu phát triển xã hội trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Như vậy, sự truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình phát triển xã hội loài người chính là nét đặc trưng cơ bản của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích của con người, là hệ thống các tác động nhằm làm cho người học nắm được hệ thống các giá trị văn hóa của loài người và tổ chức cho người học sáng tạo thêm những giá trị văn hoá đó. Giáo dục làm nhiệm vụ chuyển giao những tinh hoa văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ... của nhân loại cho thế hệ sau, là cơ sở giúp các thế hệ sau nối tiếp nhau sáng tạo, nâng cao những gì mà nhân loại đã học được. Cho nên có thể coi giáo dục như một kiểu di truyền xã hội – giáo dục thực hiện cơ chế di sản xã hội: là cơ chế truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Chúng ta có thể thấy nếu không có cơ chế di sản xã hội - không có giáo dục thì không có tiến bộ xã hội, không có học vấn, không có văn hoá, văn minh. Vì vậy, bất kỳ xã hội nào muốn tồn tại và phát triển được đều phải tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục liên tục đối với các thế hệ con người. Giáo dục là nhu cầu tất yếu của xã hội loài người và sự xuất hiện hiện tượng giáo dục trong xã hội là một tất yếu lịch sử.

Tóm lại, giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt chỉ có trong xã hội loài người, giáo dục nảy sinh, biến đổi và phát triển cùng với sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của xã hội loài người. Bản chất của hiện tượng giáo dục là sự truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ loài người, chức năng trọng yếu của giáo dục đối với xã hội là hình thành và phát triển nhân cách con người. Với ý nghĩa đó giáo dục là nhu cầu không thể thiếu được cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

## **2. Các tính chất cơ bản của giáo dục**

### **2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng**

Giáo dục hiện diện trong tất cả các chế độ, các giai đoạn lịch sử của nhân loại, không hoàn toàn lệ thuộc vào tính chất, cơ cấu xã hội như thế nào. Trong bất kỳ một chế độ xã hội hay một giai đoạn lịch sử nào thì mục đích của giáo dục vẫn là chăm sóc, dạy dỗ, đào tạo con người, là truyền thụ một cách có ý thức cho thế hệ trẻ những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hoá, tinh thần của loài người và dân tộc, làm cho thế hệ trẻ có khả năng tham gia mọi mặt vào cuộc sống xã hội. Vì vậy giáo dục tồn tại và phát triển mãi cùng với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

### **2.2. Tính nhân văn**

Giá trị nhân văn là những giá trị chung đảm bảo cho sự sống, tồn tại và phát triển chung của mọi người, mọi dân tộc, quốc gia trên trái đất, là những giá trị vì con người, cho

con người, những giá trị vì sự sống hôm nay và ngày mai. Giáo dục luôn phản ánh những giá trị nhân văn – giá trị văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ chung nhất của nhân loại và những nét bản sắc văn hóa truyền thống của từng dân tộc, từng quốc gia. Giáo dục luôn hướng con người đến những cái hay, cái đẹp, cái tốt, phát huy những yếu tố tích cực trong mỗi con người nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi người.

### **2.3. Tính xã hội - lịch sử**

Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, giáo dục có mối liên hệ có tính quy luật với trình độ phát triển của xã hội, thể hiện tính qui định của xã hội đối với giáo dục. Giáo dục nảy sinh trên cơ sở kinh tế – xã hội nhất định, do đó tính chất, mục đích, nhiệm vụ, nội dung của một nền giáo dục bao giờ cũng chịu sự quy định của các quá trình xã hội trong xã hội đó. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã trải qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, do đó các nền giáo dục tương ứng cũng khác nhau. Khi những quá trình xã hội biến đổi, bắt nguồn từ những biến đổi về trình độ sức sản xuất, tính chất của quan hệ sản xuất xã hội kéo theo những biến đổi về chính trị - xã hội, cấu trúc xã hội, hệ tư tưởng xã hội thì toàn bộ hệ thống giáo dục tương ứng với hình thái kinh tế - xã hội đó cũng phải biến đổi theo. Chẳng hạn, lịch sử loài người đã phát triển qua năm giai đoạn và có năm nền giáo dục tương ứng với năm giai đoạn phát triển của xã hội, đó là nền giáo dục công xã nguyên thủy, nền giáo dục chiếm hữu nô lệ, nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục tư bản chủ nghĩa và nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Ngay trong một xã hội nhất định, ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể, giáo dục mang những tính chất và hình thái cụ thể khác nhau. Mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức giáo dục, chính sách giáo dục... tại một giai đoạn phát triển của xã hội luôn chịu sự qui định bởi các điều kiện xã hội ở giai đoạn xã hội ấy. Vì vậy trong quá trình phát triển của giáo dục luôn diễn ra việc cải cách, đổi mới giáo dục nhằm làm cho nền giáo dục đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu phát triển của thực tiễn xã hội trong từng giai đoạn nhất định.

Từ tính chất này của giáo dục có thể thấy giáo dục “không nhất thành bất biến”; việc sao chép nguyên bản mô hình giáo dục của một nước này cho một nước khác, giai đoạn này cho giai đoạn khác là một việc làm phản khoa học. Những cải tiến, thay đổi, điều chỉnh, cải cách giáo dục qua từng thời kỳ phát triển xã hội là một tất yếu khách quan.

Giáo dục Việt nam hiện nay nhằm đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá, là

điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Chẳng hạn, lịch sử loài người đã phát triển qua 5 giai đoạn và có 5 nền giáo dục tương ứng với 5 giai đoạn phát triển của xã hội, đó là nền giáo dục công xã nguyên thủy, nền giáo dục chiếm hữu nô lệ, nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục tư bản chủ nghĩa và nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

#### **2.4. Tính giai cấp**

Trong xã hội có giai cấp, giáo dục bao giờ cũng mang tính giai cấp – đó là một tính qui luật quan trọng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục. Tính giai cấp của giáo dục là sự phản ánh lợi ích của giai cấp đó trong các hoạt động giáo dục, thể hiện Giáo dục cho ai? Giáo dục nhằm mục đích gì? Giáo dục cái gì? và Giáo dục ở đâu?... Trong xã hội có giai cấp, giáo dục là một phương thức đấu tranh giai cấp, nhà trường là công cụ của chuyên chính giai cấp, hoạt động giáo dục cũng như môi trường nhà trường là một trận địa đấu tranh giai cấp. Tính giai cấp của giáo dục thể hiện trong toàn bộ hệ thống giáo dục và trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, từ mục đích giáo dục, nội dung giáo dục đến phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục...

Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì giai cấp thống trị bao giờ cũng dành độc quyền về giáo dục và dùng giáo dục làm công cụ, phương thức truyền bá tư tưởng, duy trì vị trí xã hội, củng cố nền thống trị và sự bóc lột của nó đối với nhân dân lao động. Do đó toàn bộ nền giáo dục từ mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục đến việc tổ chức các kiểu học, các loại trường và việc tuyển chọn người học, người dạy... đều nhằm phục vụ cho mục đích và quyền lợi của giai cấp thống trị xã hội. Nền giáo dục trong xã hội có giai cấp đối kháng mang tính chất bất bình đẳng, phản dân chủ rõ rệt và tính chất phát triển phiến diện trong việc đào tạo con người.

Nền giáo dục Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền giáo dục mang tính dân chủ, tính nhân đạo sâu sắc, hướng vào việc phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách của mọi thành viên trong xã hội. Nhà trường của chúng ta là công cụ của chuyên chính vô sản theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nên mục tiêu chung của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người đều được học tập, được phát triển toàn diện về nhân cách và trở thành người công dân, người lao động sáng tạo, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước giàu mạnh.

---

❖ **Câu hỏi củng cố:**

1. Vì sao nói giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt?
2. Phân tích nội dung các tính chất cơ bản của giáo dục?

**Bài tập về nhà:**

**1. Ở đâu có con người, ở đó có giáo dục vì:**

- a. Giáo dục là một hoạt động có mục đích của con người.
- b. Giáo dục là một hoạt động có ý thức của con người.
- c. Giáo dục là một chức năng đặc trưng của xã hội loài người.
- d. Giáo dục là yêu cầu cần thiết của xã hội.
- e. Cả a,b,c.

**2. Giáo dục là một hiện tượng phổ biến của xã hội loài người vì:**

- a. GD là phương thức để tái sản xuất sức lao động xã hội.
- b. GD là phương thức để tái sản xuất những nhân cách phù hợp với yêu cầu xã hội.
- c. GD là chức năng đặc trưng của xã hội loài người.
- d. GD là phương thức để tái sản xuất những hoạt động sống của xã hội.
- e. Cả 4 yếu tố trên.

**3. GD là một tất yếu và không bao giờ mất đi (vĩnh hằng) vì:**

- a. GD ra đời sau sự ra đời của xã hội.
- b. GD ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của xã hội.
- c. GD là nhân tố tái sản xuất xã hội.
- d. Cả a, b, c.

---

## **BÀI 2: CÁC CHỨC NĂNG GIÁO DỤC**

---

❖ **Mục tiêu học tập:**

1. Hiểu được các chức năng giáo dục trong đời sống
2. Trình bày các chức năng cơ bản của giáo dục

---

❖ **Nội dung bài học**



## 1. Chức năng kinh tế – sản xuất

Xã hội loài người muốn tồn tại và phát triển thì phải có việc thế hệ đi trước truyền lại những kinh nghiệm lịch sử - xã hội cho thế hệ đi sau để họ tham gia vào đời sống xã hội, phát triển sản xuất, thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu của con người. Công việc đó do giáo dục đảm nhận. Bất kỳ một nước nào muốn phát triển kinh tế, sản xuất thì phải có đủ nhân lực và nhân lực phải có chất lượng cao. Nhân lực là lực lượng lao động của xã hội, là đội ngũ những người lao động đang làm việc trong tất cả các ngành nghề, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... đảm bảo cho xã hội vận động và phát triển đúng quy luật.

- Giáo dục được xem xét ở góc độ hoạt động tạo thành nhân cách của người học - một *hoạt động sản xuất đặc biệt*.

- Giáo dục được coi là một hoạt động sản xuất vì :

+ Là quá trình tác động giữa nhà giáo dục (chủ thể) đến người được giáo dục (đối tượng chịu sự tác động) và kết quả là làm biến đổi nhân cách của người được giáo dục.

+ Quy trình giáo dục cũng có các công đoạn như : đầu vào, đầu ra, thông tin, người lao động.

*Giáo dục là hoạt động sản xuất đặc biệt* vì từng công đoạn có những đặc điểm riêng biệt, quy trình công nghệ mang tính linh hoạt, sáng tạo cao (ví dụ : cùng bậc giáo dục tiểu học, từng học sinh có những đặc điểm tâm sinh lí khác nhau, các giáo viên khác nhau lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức giáo dục không giống nhau, nên đầu ra (học sinh tốt nghiệp tiểu học) không giống nhau hoàn toàn về trình độ học vấn, sự phát triển của các quá trình tâm lí, sinh lí).

- Sản phẩm (đầu ra) của hoạt động giáo dục là nhân cách của người học đáp ứng yêu cầu lao động sản xuất của xã hội (giáo dục đã hình thành những tri thức, kĩ năng, thái độ v.v. về một lĩnh vực lao động nào đó cho người học).

- Giáo dục đã tái tạo ra sức lao động xã hội, tạo ra sức lao động mới có hiệu quả hơn.

- Giáo dục đã tạo ra một năng suất lao động ngày càng cao, thúc đẩy sản xuất xã hội ngày càng phát triển.

- Giáo dục đào tạo ra nguồn nhân lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Vì thế, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng.

- Đầu tư cho giáo dục đồng nghĩa với việc đầu tư cho một quy trình sản xuất (đầu tư cho từng công đoạn).

Như vậy, với chức năng kinh tế - sản xuất giáo dục là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế phát triển và giáo dục phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi nền khoa học và công nghệ đạt đến trình độ phát triển cao, nhu cầu xã hội đa dạng, người lao động phải là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức rộng, có tay nghề vững, có tính năng động, sáng tạo... thì giáo dục phải đào tạo nhân lực một cách có hệ thống, chính qui ở trình độ cao.

## **2. Chức năng chính trị – xã hội**

Bên cạnh chức năng tái sản xuất sức lao động xã hội, giáo dục còn mang chức năng chính trị-xã hội. Giáo dục không đứng ngoài chính trị mà nó là phương thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách... của một chế độ chính trị, giai cấp hay chính đảng cầm quyền. Giáo dục trực tiếp truyền bá hệ tư tưởng chính trị, đường lối chính sách của giai cấp nắm quyền và trực tiếp đào tạo chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia vào cuộc sống, bảo vệ chế độ chính trị, xã hội đương thời.

Xã hội nào cũng có cấu trúc của nó – đó là một tổng thể, một tập hợp bao gồm các bộ phận, các yếu tố tạo thành xã hội như cộng đồng xã hội, dân tộc, giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội... đã được hình thành một cách lịch sử – tự nhiên, tất yếu khách quan trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội là tác động đến tập hợp các bộ phận xã hội và tính chất của các mối quan hệ giữa các bộ phận đó.

## **3. Chức năng tư tưởng – văn hóa**

Giáo dục có tác dụng to lớn đến việc xây dựng một hệ tư tưởng chi phối toàn xã hội, hình thành ở mỗi cá nhân thế giới quan, tư tưởng chính trị, ý thức, tình cảm và hành vi đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ, quá trình này giúp cho mỗi cá nhân tích lũy kiến thức, mở mang trí tuệ, hình thành và nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ cho mỗi cá nhân và cho toàn xã hội. Một quốc gia giàu mạnh là một quốc gia có nền kinh tế vững mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến, chính trị bền vững và trình độ dân trí cao. Giáo dục góp phần xây dựng và nâng cao trình độ dân trí – trình độ văn hóa chung cho toàn xã hội. Nền giáo dục không chỉ hướng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực mà còn hướng vào quá trình phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Giáo dục không chỉ thực hiện sứ mệnh lịch sử là chuyển tải nền văn hóa của thế hệ này cho thế hệ kia mà còn là phương thức đặc trưng cơ bản để bảo tồn và phát triển nền văn hóa của dân tộc và nhân loại. Giáo dục bảo tồn, phát triển nền văn hoá dân tộc và nhân loại thông qua các con đường giáo dục, trong đó dạy học là con đường cơ bản nhất. Thông qua các con đường giáo dục học sinh không chỉ biết gìn giữ mà còn có khả năng làm phong phú, sáng tạo thêm những giá trị văn hóa, những loại hình văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc...

Tóm lại, thông qua ba chức năng xã hội, giáo dục đã góp phần vào sự phát triển của xã hội, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ xã hội, ý thức xã hội... Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, giáo dục được quan niệm không chỉ là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, mà nó còn là một bộ phận thuộc hạ tầng cơ sở.

---

#### ❖ Câu hỏi củng cố:

1. Trình bày các chức năng cơ bản của giáo dục?

#### **Bài tập về nhà**

- Hãy giải thích nhận định “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển bền vững nhất”.
- Hiện tượng giáo dục xuất hiện trong xã hội loài người là nhờ và do yếu tố nào trong các yếu tố dưới đây?*
  - Do con người có ý thức.
  - Do con người có ngôn ngữ.
  - Do con người có tư duy.
  - Do con người có lao động.
  - Do cả 4 yếu tố trên.
- Nêu đầy đủ các yếu tố tạo thành quá trình sư phạm.*
  - Khách thể, chủ thể giáo dục.
  - Mục đích giáo dục, nội dung giáo dục.
  - Phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức giáo dục.
  - Kết quả giáo dục.
  - Cả a,b,c,d.
- Giáo dục có đặc trưng cơ bản là:*
  - Truyền đạt những kinh nghiệm đã tích lũy trong quá trình lịch sử phát triển xã hội loài người.
  - Lĩnh hội những kinh nghiệm đã tích lũy trong quá trình lịch sử phát triển xã hội loài người.

- c. Truyền đạt và lĩnh hội nền văn hoá của xã hội loài người.
  - d. Truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm đã tích lũy trong quá trình lịch sử phát triển của xã hội loài người.
  - e. Gồm a và b.
  - f. Gồm c và d.
- 

### **BÀI 3: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC**

---

#### **❖ Mục tiêu học tập:**

1. Xác định Giáo dục học là một khoa học: chỉ ra đối tượng, nhiệm vụ của Giáo dục học
  2. Trình bày các phương pháp nghiên cứu Giáo dục học
  3. Vận dụng các hiểu biết về Giáo dục học với tư cách là một khoa học độc lập để giải thích, phân tích các hiện tượng giáo dục theo quan điểm khoa học.
- 

#### **❖ Nội dung bài học**

##### **1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học**

Có rất nhiều khoa học nghiên cứu về con người, Giáo dục học nghiên cứu lĩnh vực nào về con người?

Giáo dục học là một khoa học về việc giáo dục con người. Nó có *đối tượng nghiên cứu là bản chất, qui luật của hoạt động giáo dục con người, mục đích, mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức giáo dục con người một cách hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.*

Việc giáo dục con người diễn ra theo qui luật trong quá trình giáo dục (có mở đầu, diễn biến, kết thúc) hay hoạt động giáo dục (có chủ thể, đối tượng). Ở đây chúng ta tiếp cận giáo dục với tư cách là một hoạt động giáo dục.

Hoạt động giáo dục (HĐGD) – đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học được hiểu với hàm nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các tác động giáo dục được định hướng theo mục đích xác định, được tổ chức một cách hợp lý, khoa học nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người.

Giáo dục với tư cách là một hoạt động xã hội nên nó có những *đặc trưng chung* như: *tính định hướng, độ lâu về thời gian*, là một dạng vận động và phát triển liên tục, kế tiếp của các trạng thái, vận động do tác động của những điều kiện bên trong và bên ngoài, tuân theo những qui luật khách quan vốn có của nó và biểu hiện thông qua hoạt động của con người... Tuy nhiên hoạt động giáo dục có những *đặc trưng chủ yếu, riêng biệt*:

- HĐGD là một hoạt động có *mục đích, có tổ chức, có kế hoạch hợp lý*, khoa học hướng vào việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người theo những mục đích và điều kiện do xã hội qui định ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

- HĐGD luôn có sự tương tác và phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục (người dạy) và hoạt động của người được giáo dục (người học), trong đó nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo và người được giáo dục là chủ thể hoạt động độc lập sáng tạo. Mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục trong HĐGD là một mối quan hệ xã hội đặc biệt – quan hệ giáo dục.

- HĐGD là một dạng vận động và phát triển liên tục của các hiện tượng, các tình huống dạy học và giáo dục, *các loại hình hoạt động, giao lưu* của người được giáo dục... được nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn thực hiện theo những qui trình nhất định.

- HĐGD (theo nghĩa rộng) hay hoạt động sư phạm bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Các hoạt động này phản ánh những qui luật chung của hoạt động giáo dục tổng thể, nhưng chúng cũng phản ánh các qui luật đặc thù riêng của từng hoạt động cụ thể.

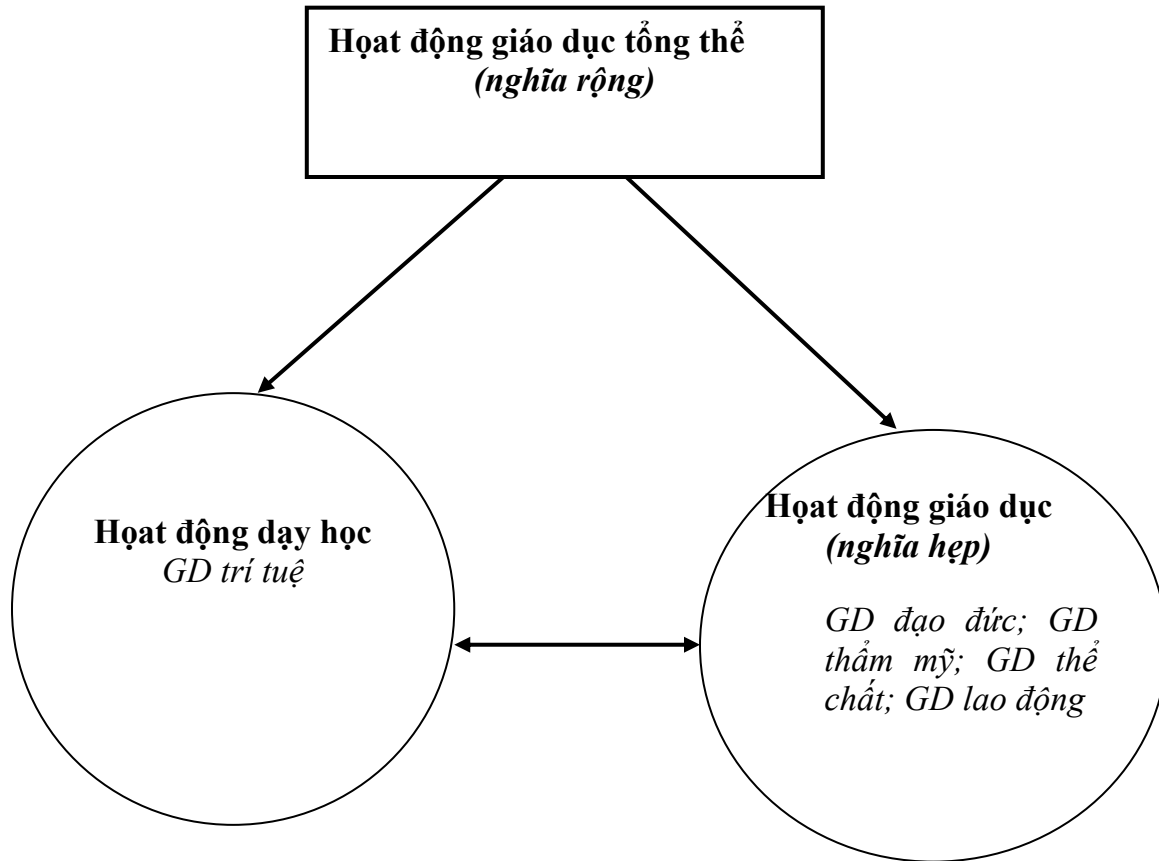
- HĐGD có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động xã hội khác...

- HĐGD tổng thể là một hệ thống lớn (vĩ mô) bao gồm những hệ thống nhỏ (vi mô) là những *hoạt động giáo dục bộ phận*: hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Những hoạt động bộ phận này thống nhất với nhau, có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ nhau và có thể thâm nhập vào nhau, nhưng chúng không phải đồng nhất mà có tính độc lập tương đối của nó.

Hoạt động dạy học với *chức năng trội* là trau dồi học vấn, truyền thụ và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo nhận thức và thực hành cho người học.

Hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp) với *chức năng trội* là hình thành, phát triển thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức, pháp luật, lao động, thẩm mỹ, thái độ, tính cách, thói quen... cho người được giáo dục. Hai hoạt động này gắn bó chặt chẽ với nhau: dạy học phải đi đến giáo dục và giáo dục dựa trên cơ sở dạy học, thúc đẩy dạy học.

Sau đây là sơ đồ về cấu trúc tổng thể của hoạt động giáo dục:<sup>1</sup>



Hoạt động giáo dục tổng thể cũng như mỗi hoạt động giáo dục bộ phận đều là các hệ thống và được tạo thành bởi các *nhân tố* sau:

- *Chủ thể giáo dục*: Nhà giáo dục là chủ thể đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục. Chủ thể giáo dục cũng chính là người được giáo dục.

- *Khách thể giáo dục*: Người được giáo dục vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể tự giáo dục.

- *Mục đích, nhiệm vụ giáo dục*: là mẫu nhân cách con người mà giáo dục cần đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội. Đây là nhân tố hàng đầu của hoạt động giáo dục định hướng cho sự vận động và phát triển của toàn bộ hoạt động giáo dục. Để thực hiện tốt mục đích này, giáo dục phải thực hiện các nhiệm vụ giáo dục: giáo

dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động. Các nhiệm vụ giáo dục có mối quan hệ biện chứng với nhau.

- *Nội dung giáo dục* là hệ thống những kinh nghiệm xã hội được chọn lọc trong kho tàng kinh nghiệm của nhân loại, tạo nên nội dung hoạt động thống nhất cho nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm đạt được mục đích giáo dục đã định.

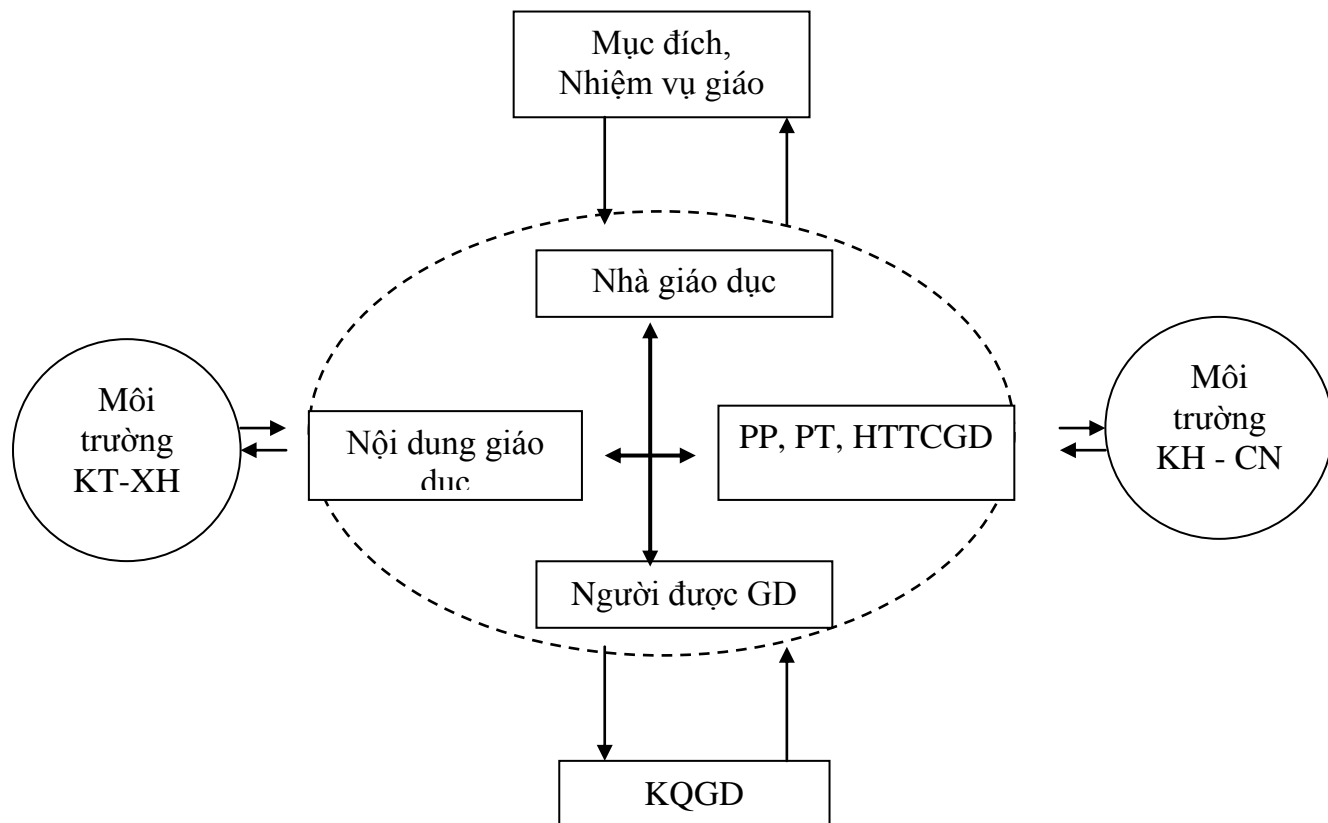
- *Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục* là cách thức, phương tiện, hình thức hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm thực hiện những nhiệm vụ giáo dục và đạt tới mục đích giáo dục đã định.

- *Kết quả giáo dục* là kết quả tổng hợp của toàn bộ hoạt động giáo dục nhưng thể hiện tập trung nhất ở mức độ phát triển nhân cách của người được giáo dục sau mỗi hoạt động giáo dục nhất định

- Tham gia vào hoạt động giáo dục còn có những *điều kiện giáo dục bên ngoài* (môi trường KT – XH và KH – CN...), *những điều kiện bên trong* (môi trường sư phạm).

Những nhân tố của HĐGD có *mối quan hệ* thống nhất, tác động biện chứng với nhau đồng thời những nhân tố này còn có mối quan hệ mật thiết, biện chứng với môi trường bên ngoài và môi trường bên trong. Khi một nhân tố thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các nhân tố khác.

Sơ đồ về cấu trúc thành tố hoạt động giáo dục:



## 2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học

- Nghiên cứu bản chất của giáo dục và mối quan hệ giữa giáo dục với các bộ phận khác của xã hội.

- Nghiên cứu các qui luật của giáo dục.

- Nghiên cứu các nhân tố của HĐGD (mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục...). Từ đó tìm tòi con đường nâng cao chất lượng và hiệu quả HĐGD.

Cùng với sự phát triển và đổi mới giáo dục, nhiều vấn đề mới trong thực tiễn nảy sinh, đòi hỏi sự đáp ứng của Giáo dục học trong giai đoạn mới. Vì vậy nhiệm vụ của Giáo dục học còn thể hiện ở việc giải quyết những vấn đề sau:

- Nghiên cứu và hoàn thiện những vấn đề thuộc phạm trù phương pháp luận khoa học giáo dục.

- Nghiên cứu góp phần giải quyết mâu thuẫn lớn giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh qui mô giáo dục, vừa phải nâng cao chất lượng trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục trong nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trong những điều kiện mới...

- Các vấn đề trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong quản lý giáo dục và đào tạo...

### **- Giáo dục phải đồng thời làm tốt hai nhiệm vụ là:**

+ *Rèn luyện tư duy, hình thành chuẩn mực giá trị nhân cách đạo đức xã hội, cũng như ý nghĩa, lẽ sống của con người.*

+ *Đào tạo kiến thức, kỹ năng tổ chức cuộc sống cho bản thân, cho gia đình, cho cộng đồng xã hội.*

## 3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học

### 3.1. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là lý thuyết về phương pháp nhận thức khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là lý thuyết về phương pháp nghiên cứu các hiện tượng giáo dục nhằm phát hiện ra bản chất và qui luật của chúng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những quan điểm phương pháp luận còn được gọi là quan điểm tiếp cận đối tượng nghiên cứu hay phương pháp tiếp cận. Những quan điểm phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là “kim chỉ nam” định hướng, dẫn dắt nhà nghiên cứu trên



con đường tìm tòi, sáng tạo. Trong nghiên cứu Giáo dục học có những quan điểm phương pháp luận sau đây:

- Quan điểm hệ thống - cấu trúc: Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải xem xét đối tượng một cách toàn diện, nhiều mặt, nhiều chiều, nhiều mối quan hệ khác nhau và trong trạng thái vận động, phát triển của chúng, từ đó tìm ra bản chất và qui luật vận động của đối tượng nghiên cứu.

- Quan điểm lịch sử - lôgic: Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu cần tìm hiểu, phát hiện nguồn gốc nảy sinh, phát triển của đối tượng trong những thời gian và không gian cụ thể với những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, từ đó phát hiện bản chất, chất lượng mới và quy luật phát triển tất yếu của đối tượng nghiên cứu.

- Quan điểm thực tiễn: Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải xuất phát từ thực tiễn giáo dục, do yêu cầu của thực tiễn giáo dục đề ra. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học phải là một trong những vấn đề cấp thiết của thực tiễn khách quan mà khi giải quyết vấn đề đó thì góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

## **3.2. Các phương pháp nghiên cứu Giáo dục học**

### **3.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận**

Đây là nhóm phương pháp nhận thức khoa học giáo dục bằng con đường suy luận dựa trên các tài liệu lý thuyết đã được thu thập từ các nguồn khác nhau như sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, văn bản, nghị quyết, công trình nghiên cứu của người khác... Các tài liệu được phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa để tạo thành những tri thức, lý thuyết giáo dục mới làm cơ sở khoa học cho vấn đề nghiên cứu.

### **3.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Đây là các phương pháp xem xét, phân tích đối tượng khoa học một cách trực tiếp trong thực tiễn.

#### **a. Phương pháp quan sát sự phạm**

- Quan sát sự phạm là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu bằng cách tri giác có chủ định đối tượng và các yếu tố liên quan đến đối tượng. Quan sát với tư cách là phương pháp nghiên cứu khoa học là một hoạt động có mục đích, có kế hoạch và hệ thống của nhà nghiên cứu nhằm thu thập những tài liệu về thực tiễn giáo dục làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tương ứng hoặc kiểm chứng cho lý thuyết, giả thuyết...

- Theo mối quan hệ giữa đối tượng quan sát và chủ thể quan sát thì có các dạng quan sát trực tiếp, quan sát gián tiếp, quan sát công khai, kín đáo. Theo dấu hiệu về thời gian thì

có quan sát lâu dài, quan sát thời gian ngắn. Theo nhiệm vụ thì có quan sát phát hiện, quan sát kiểm nghiệm...

- Những yêu cầu của phương pháp quan sát:

+ Xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ và đối tượng quan sát

+ Xây dựng kế hoạch, tiến trình quan sát

+ Chuẩn bị chu đáo về mọi mặt: lý luận, thực tiễn, phương pháp, phương tiện quan sát...

+ Tiến hành quan sát cẩn thận và có hệ thống theo kế hoạch

+ Ghi chép kết quả quan sát khách quan, chính xác

+ Kiểm tra lại kết quả quan sát

## **b. Phương pháp điều tra giáo dục**

*Điều tra bằng trò chuyện (phỏng vấn)*

Điều tra bằng trò chuyện là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu qua trao đổi ý kiến trực tiếp với những người được nghiên cứu.

Các loại trò chuyện: trò chuyện trực tiếp; trò chuyện gián tiếp; trò chuyện thẳng; trò chuyện đường vòng; trò chuyện bổ sung; trò chuyện đi sâu; trò chuyện phát hiện; trò chuyện kiểm nghiệm.

Muốn trò chuyện có kết quả cần đảm bảo các yêu cầu:

- Xác định rõ ràng mục đích, yêu cầu cuộc trò chuyện

- Thiết kế hệ thống câu hỏi cơ bản phù hợp với mục đích trò chuyện

- Tìm hiểu người đối thoại để lựa chọn cách trò chuyện phù hợp

- Biết cách điều khiển câu chuyện và đúng mục đích.

- Tạo không khí tự nhiên, thân mật, cởi mở trong khi trò chuyện.

*Điều tra bằng phiếu hỏi (ankét)*

Điều tra bằng phiếu hỏi (ankét) là phương pháp sử dụng một hệ thống câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lượng lớn đối tượng được nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến của họ về vấn đề nghiên cứu dưới hình thức viết. Căn cứ vào mục đích, tính chất của việc điều tra, người ta có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau:

- Câu hỏi “đóng” là những câu hỏi có kèm theo phương án trả lời. Người được trưng cầu ý kiến có thể lựa chọn một số phương án phù hợp với nhận thức của mình.

- Câu hỏi “mở” là những câu hỏi không có sẵn phương án trả lời và người được trưng cầu ý kiến tự trả lời theo yêu cầu của người hỏi.

Điều tra bằng ankét có thể phân loại như sau:

- Điều tra thăm dò (câu hỏi rộng và nông) nhằm thu nhập tài liệu ở mức sơ bộ về đối tượng.

- Điều tra sâu (câu hỏi hẹp và đi sâu) nhằm khai thác sâu sắc một vài khía cạnh nào đó của đối tượng nghiên cứu.

- Điều tra bổ sung nhằm thu nhập tài liệu bổ sung cho các phương pháp khác.

Những yêu cầu của phương pháp điều tra bằng ankét:

- Xác định rõ mục đích và nội dung điều tra

- Xây dựng hệ thống câu hỏi rõ ràng, chính xác, đảm bảo cho mọi người hiểu dễ dàng và như nhau, có nhiều loại câu hỏi có thể bổ sung và kiểm tra lẫn nhau.

- Hướng dẫn trả lời rõ ràng

- Phải điều tra nhiều lần và đảm bảo số lượng người được hỏi đủ lớn.

- Sau khi thu thập thông tin phải xử lý thông tin chính xác, khách quan.

### **c. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm**

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm là phương pháp phân tích, đánh giá, khái quát hóa và hệ thống hóa những kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục nhằm rút ra những bài học bổ ích, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Tiêu chuẩn lựa chọn kinh nghiệm giáo dục:

- Kinh nghiệm phải mới

- Kinh nghiệm có chất lượng và hiệu quả giáo dục cao

- Phù hợp với những thành tựu khoa học giáo dục tiên tiến

- Có tính ổn định

- Có khả năng ứng dụng được

Các bước tổng kết kinh nghiệm:

- Chọn điển hình (phát hiện, xác định đúng đối tượng nghiên cứu)

- Mô tả lại sự kiện một cách khách quan dựa trên nhiều phương pháp khác nhau như: quan sát, trò chuyện, điều tra...

- Khôi phục lại sự kiện đã xảy ra bằng mô hình lý thuyết: phân tích sự kiện, hệ thống hoá các sự kiện, rút ra các khái quát lý luận.

- Những lý luận tổng kết từ kinh nghiệm cần được phổ biến rộng rãi và ứng dụng vào thực tế.

### **d. Phương pháp thực nghiệm sư phạm**

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp nghiên cứu một cách chủ động, có hệ thống một hiện tượng giáo dục nhằm xác định mối quan hệ giữa tác động giáo dục với hiện tượng giáo dục được nghiên cứu trong những điều kiện đã được khống chế.

Nét đặc trưng của phương pháp này là nhà nghiên cứu chủ động tạo ra điều kiện nghiên cứu và khi cần thiết có thể lặp lại nhiều lần điều kiện đó.

Có 2 loại thực nghiệm: thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Các bước tiến hành thực nghiệm:

- Xác định vấn đề thực nghiệm với mục đích rõ ràng
- Nêu giả thuyết và xây dựng đề cương thực nghiệm
- Tổ chức thực nghiệm: chọn mẫu thực nghiệm; bồi dưỡng cộng tác viên; theo dõi thực nghiệm: quan sát, ghi chép, đo đạc...
- Xử lý kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận khoa học.

Lưu ý: Khi tiến hành thực nghiệm sư phạm không được làm đảo lộn hoạt động bình thường của quá trình sư phạm và chỉ được tiến hành trong những điều kiện và tiêu chuẩn nghiêm ngặt với luận cứ khoa học; tiến hành thực nghiệm ở nhiều địa bàn, trên các đối tượng khác nhau và thực nghiệm nhiều lần trên một đối tượng; sử dụng các phương pháp hỗ trợ: quan sát, điều tra, thống kê toán học...

#### **e. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động**

Đây là phương pháp phân tích các sản phẩm hoạt động của đối tượng nghiên cứu (giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý...) nhằm thu thập những thông tin cần thiết về cá nhân hay tập thể.

Những yêu cầu:

- Thu thập nhiều tài liệu khác nhau, phân loại, hệ thống hóa tài liệu với những dấu hiệu cơ bản, đặc thù...
- Kết hợp với những tài liệu lưu trữ...
- Dựng lại quá trình hoạt động đưa đến sản phẩm (làm như thế nào?)
- Tìm hiểu đầy đủ các mặt khác của người tạo ra sản phẩm.

#### **g. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia**

Là phương pháp thu thập thông tin khoa học, nhận xét đánh giá một sản phẩm khoa học bằng cách sử dụng trí tuệ một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu.

Tiến hành lấy ý kiến chuyên gia bằng cách: trực tiếp phỏng vấn xin ý kiến; thông qua thư từ; thông qua hội thảo, tranh luận, đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học...

Yêu cầu:

- Chọn đúng chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực đang nghiên cứu, có phẩm chất trung thực trong khoa học.

- Xây dựng hệ thống các chuẩn đánh giá, các tiêu chí cụ thể, dễ hiểu, tường minh để nhận xét, đánh giá theo các chuẩn ấy.

- Hạn chế thấp nhất ảnh hưởng qua lại của các chuyên gia về ý kiến, quan điểm...

### **3.2.3. Nhóm phương pháp toán học**

Sử dụng các lý thuyết Toán học, các phương pháp logic Toán học để xây dựng các lý thuyết giáo dục hoặc để xác định thông số liên quan tới đối tượng nghiên cứu của một đề tài nhằm tìm ra qui luật vận động của đối tượng.

Sử dụng Toán thống kê để xử lý các tài liệu thu thập từ các phương pháp khác nhau.

---

#### **❖ Câu hỏi củng cố:**

1. Trình bày đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học?
  2. Nêu các phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học?
  3. Phân tích cấu trúc của hoạt động giáo dục tổng thể?
- 

## **BÀI 4: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC HỌC**

#### **❖ Mục tiêu học tập:**

1. Trình bày các khái niệm cơ bản của Giáo dục học và mối quan hệ giữa chúng
- 

#### **❖ Nội dung học tập:**

### **1. Giáo dục**

- Từ buổi bình minh của nhân loại, con người muốn tồn tại và phát triển đã phải không ngừng tìm hiểu, khám phá và cải tạo thế giới khách quan vì lợi ích của cá nhân và cộng đồng.

Trong quá trình nhận thức và cải tạo đó, con người tiếp thu được những kinh nghiệm sống và hoạt động.

- Đến một trình độ phát triển nhất định, khi xã hội tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống và hoạt động, thì các thế hệ sau không cần phải mò mẫm tìm kiếm những kinh nghiệm giản đơn, rời rạc và phổ biến nữa, mà được kế thừa những kinh nghiệm của thế hệ đi trước thông qua con đường dạy học và giáo dục.

- Giáo dục là một khái niệm được hiểu theo nhiều cấp độ rộng, hẹp khác nhau.

\* *Theo nghĩa rộng nhất*, giáo dục được hiểu như là quá trình hình thành và phát triển nhân cách dưới ảnh hưởng của tất cả các tác động từ bên ngoài (gia đình, nhà trường, xã hội).

\* *Hiểu theo nghĩa rộng thứ hai*, giáo dục là quá trình hình thành và phát triển nhân cách dưới ảnh hưởng của những tác động có mục đích, được tổ chức một cách có kế hoạch, có phương pháp, có hệ thống của các cơ quan chuyên biệt giáo dục và đào tạo (hệ thống trường học và các trung tâm giáo dục của xã hội như trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm cải thiện ma túy v.v.).

\* *Hiểu theo nghĩa hẹp*, giáo dục là quá trình hình thành và phát triển nhân cách người được giáo dục dưới ảnh hưởng của những tác động sự phạm của nhà trường chỉ liên quan đến một mặt giáo dục như đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và cả lao động sản xuất.

- *Giáo dục là quá trình truyền thụ và lĩnh hội hệ thống kinh nghiệm xã hội từ thế hệ này sang thế hệ tiếp nối, nhằm chuẩn bị cho họ bước vào cuộc sống xã hội và lao động sản xuất.*

*Kinh nghiệm xã hội*

+ Là tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, niềm tin, hành vi và thói quen đạo đức.

+ Là kỹ năng lao động và kinh nghiệm ứng xử; là hiểu biết và thói quen về cuộc sống; là kinh nghiệm hoạt động sáng tạo, kỹ năng thích nghi.

Tóm lại, giáo dục là một hiện tượng xã hội phức tạp bao gồm rất nhiều yếu tố: gia đình; xã hội; nhà trường; tập thể - cá nhân; người giáo dục – người được giáo dục; giáo viên – học sinh; quản lý giáo dục – tác động giáo dục; lý luận giáo dục – thực tiễn giáo dục. Hiện tượng xã hội này xuất hiện và phát triển cùng với sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người và tính phức tạp càng tăng lên theo sự phát triển đó

## **2. Dạy học**

Dạy học là một bộ phận của giáo dục (nghĩa rộng), là hoạt động tương tác, phối hợp thống nhất giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học nhằm truyền thụ và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực nhận thức và

hành động, trên cơ sở đó hình thành thế giới quan khoa học, phẩm chất đạo đức nói riêng và nhân cách nói chung cho người học...

### **3. Giáo dưỡng**

Giáo dưỡng được hiểu là quá trình người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, hình thành phương pháp nhận thức và thực hành sáng tạo. Nói cách khác, giáo dưỡng chính là quá trình bồi dưỡng học vấn cho người học (học vấn là kết quả của việc nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng...).

Giáo dưỡng có thể được thực hiện thông qua con đường dạy học trong nhà trường hoặc có thể thông qua con đường tự học, tự bồi dưỡng của cá nhân hoặc kết hợp cả hai con đường.

### **4. Tự học**

Tự học là hoạt động tự giác, có mục đích của cá nhân, là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ và có khi cả cơ bắp cùng các phẩm chất, động cơ, tình cảm... để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình. Cốt lõi của học là tự học. Tự học là nói đến nội lực của người học, chất lượng của học tùy thuộc chủ yếu vào nội lực. Dù điều kiện tác động từ bên ngoài đối với hoạt động học tốt đến mấy, nhưng nếu con người không có đủ nỗ lực bản thân để tự học, tự biến đổi mình đến mức cần thiết thì không thể nào đạt được mục tiêu mong muốn.

### **5. Tự giáo dục**

Tự giáo dục là một bộ phận của giáo dục, là hoạt động tự giác có ý thức, có mục đích của cá nhân nhằm tự hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của bản thân cho phù hợp với yêu cầu chuẩn mực của xã hội. Bản chất của tự giáo dục là quá trình ý chí. Trong tự giáo dục có sự nỗ lực tích cực hóa một hoạt động nào đó và song song với quá trình đó là việc kìm hãm những ước muốn không hợp lý. Tự giáo dục là những biểu hiện có ý thức của sự tự phát triển, của sự tự vận động cá nhân, là gia tốc của sự phát triển cá nhân, nó thúc đẩy sự hình thành những phẩm chất quan trọng và cần thiết nhất đối với cá nhân.

### **6. Giáo dục hướng nghiệp**

Giáo dục hướng nghiệp là một hệ thống biện pháp tác động của gia đình, nhà trường, xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm giáo dục học sinh trong việc chọn nghề, giúp học sinh tự quyết định nghề nghiệp tương lai trên cơ sở phân tích khoa học về năng lực, hứng thú của bản thân và nhu cầu nhân lực của các ngành sản xuất trong xã hội. Mục tiêu chung của giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển và bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nghiệp; giúp học sinh hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề; định hướng cho học sinh

đi vào những lĩnh vực mà xã hội có yêu cầu. Nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp bao gồm định hướng nghề, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề.

### **7. Giáo dục cộng đồng**

Theo UNESCO thì giáo dục cộng đồng được xem như là một tư tưởng, một cách làm mới mẻ nhằm xây dựng mối quan hệ bền vững, gắn bó giữa giáo dục với các quá trình xã hội, với đời sống và lợi ích của cộng đồng. Đó là cách thức tốt và có hiệu quả nhằm tạo ra những điều kiện, cơ hội để thực hiện sự công bằng xã hội, tạo lập nền tảng cho sự phát triển và sự ổn định của xã hội. Giáo dục cộng đồng được hiểu là giáo dục cho tất cả mọi người, là áp dụng cho mọi người trong xã hội. Nói một cách cụ thể hơn giáo dục cộng đồng là quá trình biến đổi các loại trường học thành các trung tâm giáo dục và câu lạc bộ văn hóa cho mọi lứa tuổi. Nếu thực hiện thành công đường lối giáo dục cộng đồng, xã hội sẽ là một trường học khổng lồ, trong đó giáo dục trở thành một động lực phát triển trực tiếp và quan trọng nhất của toàn xã hội.

### **8. Giáo dục thường xuyên**

Giáo dục thường xuyên được hiểu là một hệ thống giáo dục nhằm mục đích tạo cơ hội giáo dục liên tục, thường xuyên, thoả mãn nhu cầu học tập suốt đời của mọi thành viên trong xã hội, giúp họ thích ứng với sự tiến bộ nhanh chóng về khoa học – kỹ thuật, tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **9. Công nghệ giáo dục**

Sự tác động mạnh mẽ, sâu sắc và thường xuyên của khoa học kỹ thuật vào nền sản xuất đại công nghiệp làm nảy sinh một khái niệm khoa học chuyên biệt: công nghệ. Đối với nền sản xuất ra của cải vật chất công nghệ là một khoa học chuyên nghiên cứu cách thức xử lý, chế tác, biến đổi trạng thái, tính chất, hình dáng của nguyên vật liệu (hay bán thành phẩm) thành sản phẩm. Nó phát hiện ra các qui luật cơ, lý, hóa có thể vận dụng vào các quá trình sản xuất ra của cải vật chất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất.

Một trong những xu thế của thời đại mới là đầu tư công nghệ phát triển. Khi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nói chung và dạy học nói riêng, xu thế chung là đầu tư theo chiều sâu. Việc đầu tư dạy học theo chiều sâu thực chất là đầu tư công nghệ dạy học. Theo nghĩa hẹp, công nghệ dạy học là việc sử dụng những phát minh, những sản phẩm công nghiệp hiện đại về thông tin và các phương tiện kỹ thuật vào dạy học. Theo nghĩa rộng, công nghệ giáo dục là khoa học về giáo dục, nó xác lập các nguyên tắc hợp lý của công tác dạy học và những điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành quá trình đào tạo cũng như xác lập các phương



pháp và phương tiện có kết quả nhất để đạt mục đích đào tạo đề ra đồng thời tiết kiệm được sức lực của thầy và trò (UNESCO).

---

❖ **Câu hỏi củng cố:**

1. Trình bày các khái niệm cơ bản của Giáo dục học và mối quan hệ giữa chúng?

Bài tập:

1. Giáo dục – với tư cách là một hiện tượng xã hội – là: Hoạt động của thế hệ đi trước truyền lại cho thế hệ đi sau những kinh nghiệm về lao động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng và sự tiếp thu của những người trẻ tuổi về những kinh nghiệm đó.

a. Đúng.

b. Sai.

2. Truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm đã tích lũy trong quá trình lịch sử phát triển của xã hội loài người, đó là nét đặc trưng cơ bản của quá trình giáo dục.

a. Đúng

b. Sai.

---

## **BÀI 5**

### **CẤU TRÚC CỦA GIÁO DỤC HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO DỤC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC**

---

❖ **Mục tiêu học tập:**

1. Biết được cấu trúc Giáo dục học
  2. Trình bày được mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác
- 

❖ **Nội dung học tập**

#### **1. Hệ thống các khoa học về giáo dục**

Giáo dục học bao gồm nhiều ngành khoa học cụ thể tạo thành một hệ thống các khoa học giáo dục:

##### **1.1. Giáo dục học đại cương**

- Những vấn đề chung của giáo dục học

- Tổ chức hoạt động dạy học
- Tổ chức hoạt động giáo dục
- Tổ chức quản lý nhà trường
- Lịch sử giáo dục ...

## **1.2. Giáo dục học chuyên ngành**

- Lý luận và phương pháp dạy học các môn học
- Giáo dục học đặc biệt
- Giáo dục học mầm non
- Giáo dục học phổ thông
- Giáo dục học nghề nghiệp
- Giáo dục học đại học
- Giáo dục học quân sự
- Xã hội học giáo dục
- Kinh tế học giáo dục...

## **2. Môi quan hệ của Giáo dục học với các khoa học khác**

**2.1. Triết học:** Là khoa học về các qui luật chung nhất của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy con người, là nền tảng cho sự phát triển Giáo dục học. Triết học cung cấp các quan điểm phương pháp luận và các qui luật cho việc nghiên cứu sự vận động và phát triển của giáo dục.

**2.2. Xã hội học:** Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với con người và quan hệ con người, vạch ra những đặc điểm phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội và ảnh hưởng của chúng đến sự hình thành nhân cách con người. Từ đó giúp Giáo dục học giải quyết những vấn đề về mục đích, nội dung giáo dục.

**2.3. Sinh lý học thần kinh:** Muốn nghiên cứu về sự phát triển của con người, Giáo dục học phải dựa vào các phát hiện, các kiến thức của sinh lý học thần kinh như: sự phát triển của hệ thống thần kinh, các đặc điểm của hệ thần kinh...

**2.4. Tâm lý học lứa tuổi, Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học xã hội** có vai trò rất quan trọng đối với việc nghiên cứu và phát triển của Giáo dục học.

**2.5. Lý thuyết thông tin, điều khiển học, tin học** ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trong Giáo dục học.

---

**Câu hỏi củng cố:**

1. Trình bày cấu trúc của Giáo dục học?
  2. Phân tích mối quan hệ của Giáo dục học với các khoa học khác?
- 

## **CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH**

### **BÀI 1**

#### **GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH**

---

**❖ Mục tiêu học tập:**

1. Trình bày được vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách
  2. Giải thích vai trò của môi trường trong sự hình thành và phát triển nhân cách.
  3. Giải thích vai trò của hoạt động - giao lưu trong sự hình thành và phát triển nhân cách.
- 

**❖ Nội dung bài học****1. Giáo dục và sự hình thành nhân cách****1.1. Khái niệm giáo dục**

— Giáo dục là một hoạt động đặc trưng của xã hội nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người theo những yêu cầu của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Giáo dục phụ thuộc môi trường xã hội.

— Giáo dục là một quá trình hình thành nhân cách toàn vẹn, được tổ chức một cách có mục đích và có kế hoạch thông qua các hoạt động và các quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục, nhằm chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội của con người. Vì thế giáo dục bao gồm cả việc dạy lẫn việc học cùng với hệ thống các tác động sư phạm khác diễn ra trong và ngoài lớp, trong và ngoài nhà trường.

— Giáo dục được hiểu là hệ thống các tác động tự giác trong hệ thống trường học và các trung tâm giáo dục của xã hội (trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm cai nghiện ma túy v.v.).

## 1.2 Khái niệm về nhân cách

Theo Tâm lý học, nhân cách là tổ hợp các thái độ, thuộc tính riêng trong quan hệ hành động của từng người với thế giới tự nhiên, thế giới đồ vật do con người sáng tạo ra, với xã hội và với bản thân (Phạm Minh Hạc – Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục - 1986). Nhân cách là bộ mặt tâm lý - đạo đức của mỗi người, đó là toàn bộ những đặc điểm, phẩm chất tâm lý qui định giá trị xã hội và hành vi xã hội của người đó.

— Nhân cách là tổ hợp những thuộc tính tâm lí của một con người, hợp thành hai mặt thống nhất là phẩm chất (đức) và năng lực (tài).

Như vậy, xét dưới góc độ Giáo dục học, nhân cách bao gồm tất cả các nét, các mặt, các phẩm chất có ý nghĩa xã hội trong một con người. Những thuộc tính này được hình thành trong quá trình tác động qua lại giữa người đó với đồ vật, với người khác trong xã hội.

Nhân cách của con người được phân tích trên ba bình diện khác nhau và được đánh giá ở ba mức độ khác nhau:

- Mức độ bên trong cá nhân, nhân cách con người được thể hiện ở dạng cá tính, ở sự khác biệt của người này với những người khác. Ở bình diện này, nhân cách bộc lộ trong tính không đồng nhất với mọi người, với cái chung, giá trị của nhân cách là ở tính tích cực của nó trong việc khắc phục những sự hạn chế của hoàn cảnh và sự hạn chế tự nhiên của mình.

- Mức độ giữa các cá nhân, nhân cách được thể hiện trong mối quan hệ mà nó tham gia trong quá trình hoạt động cộng đồng. Giá trị của nhân cách được thể hiện trong các hành vi, cử chỉ xã hội của nó.

- Mức độ cao nhất, nhân cách dường như vượt ra ngoài khuôn khổ của cá tính và ra ngoài khuôn khổ của những mối quan hệ thực sự với các cá nhân khác. Ở đây nhân cách được xem xét như là một chủ thể hoạt động đang thực hiện một cách tích cực, có chủ định hay không chủ định, những biến đổi trong những người khác (có liên quan, quen biết hoặc không liên quan, không quen biết). Giá trị của nhân cách thể hiện ở những tác động mà nhân cách này gây ra đối với những biến đổi của các nhân cách khác. Tất cả những biến đổi cơ bản mà cá nhân tạo ra được ở những cá nhân khác, đặc biệt là ở bản thân mình như là “một người khác” đã tạo thành nét đặc trưng đầy đủ và có giá trị nhất của cá nhân ấy như là một nhân cách.

Như vậy nhân cách con người là mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của xã hội, độ phù hợp càng cao thì nhân cách càng lớn.

Theo Giáo dục học, nhân cách bao gồm tất cả các nét, các mặt, các phẩm chất có ý nghĩa xã hội trong một con người. Nhân cách là toàn bộ các đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân được xã hội đánh giá tạo nên giá trị của cá nhân đó. Tùy theo trình độ phát triển của xã hội mà các đặc điểm của cá nhân được nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Những đặc điểm của cá nhân cũng được đánh giá khác nhau tương ứng với những vai trò khác nhau của họ.

- Theo quan niệm truyền thống nhân cách là sự thống nhất giữa phẩm chất và năng lực của cá nhân bao gồm các phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong và các năng lực, sở trường, năng khiếu. Người có nhân cách phải là người thống nhất được hai mặt phẩm chất và năng lực, tức là thống nhất giữa mặt đức và tài.

- Theo cách tiếp cận giá trị thì cốt lõi của nhân cách là hệ thống định hướng giá trị mà mỗi cá nhân lựa chọn cho mình, bao gồm:

+ Các giá trị tư tưởng: lý tưởng, niềm tin...

+ Các giá trị đạo đức: lương tâm, trách nhiệm, lòng nhân ái, lòng trung thực...

+ Các giá trị nhân văn: học vấn, nghề nghiệp, tình yêu, thời trang, tài năng...

Như chúng ta biết, giá trị là tất cả những gì có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh những mối quan hệ chủ thể – khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá và chọn lựa, giá trị trở thành một trong những động lực thúc đẩy con người đi theo một xu hướng nhất định. Trong thực tế, định hướng giá trị phản ánh nhu cầu, nguyện vọng của con người, phản ánh cái mà họ yêu thích và cho là quý giá. Định hướng giá trị chỉ đạo hoạt động của con người, nó có ý nghĩa rất quan trọng, biết được định hướng giá trị của con người thì biết được thái độ, hành vi của họ. Nắm được định hướng giá trị, con người sẽ dễ dàng hơn trong việc đối nhân xử thế và tổ chức, điều khiển hoạt động cộng đồng. Định hướng giá trị được hình thành và củng cố bởi năng lực, nhận thức, kinh nghiệm sống của từng cá nhân. Quá trình hình thành định hướng giá trị rất phức tạp, gắn liền với việc giải quyết các mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa các động cơ khác nhau, mâu thuẫn giữa ý thức nghĩa vụ và lòng ham muốn, mâu thuẫn giữa kích thích thực dụng với hành vi đạo đức.

### **1.3. Khái niệm về sự phát triển nhân cách**

Con người khi mới sinh ra chưa có nhân cách. Nhân cách chỉ hình thành và phát triển trong quá trình con người sống, hoạt động và giao lưu trong đời sống xã hội. Sự phát triển nhân cách là quá trình tăng trưởng, tích lũy, hoàn thiện về thể chất, tâm lý và xã hội của cá nhân.

- Sự phát triển về mặt thể chất: biểu hiện ở những biến đổi về chiều cao, trọng lượng, cơ bắp, sự hoàn thiện các giác quan và sự phối hợp vận động cơ thể.

- Sự phát triển về mặt tâm lý: thể hiện ở những biến đổi của các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí... và ở sự hình thành những thuộc tính tâm lý mới của cá nhân.

- Sự phát triển về mặt xã hội: thể hiện ở những biến đổi trong thái độ cư xử với người xung quanh, ở sự tham gia tích cực vào các quan hệ và hoạt động xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách chịu tác động của nhiều yếu tố như bẩm sinh - di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân.

## **2. Vai trò của di truyền, môi trường và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách**

### **2.1. Vai trò của di truyền đối với sự phát triển nhân cách**

Di truyền là sự tái tạo lại ở thế hệ sau những thuộc tính sinh học giống với thế hệ trước. Các thuộc tính sinh học được di truyền bao gồm cấu tạo giải phẫu, sinh lý cơ thể, những đặc điểm như màu mắt, màu tóc, vóc dáng, thể tạng, các giác quan, tư chất, một số đặc điểm của hệ thần kinh...

Di truyền tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Điều đó có nghĩa là nếu cá thể không tiếp nhận được vật chất di truyền của người thì sẽ không có được tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Một cơ thể lành mạnh, các giác quan đầy đủ, hệ thần kinh bình thường sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển nhân cách.

Các đặc tính cơ thể có ảnh hưởng đến tốc độ, mức độ và tính chất của việc hình thành các kỹ năng, kỹ xảo, năng lực của cá nhân chứ không quyết định sẵn cho sự phát triển nhân cách con người. Những tư chất di truyền định hướng cho con người vào các lĩnh vực hoạt động rộng rãi chứ không vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể và cũng không qui định trước năng lực cụ thể của cá nhân. Nhưng để tư chất biến thành khả năng hiện thực còn tùy thuộc vào hoàn cảnh sống, vào sự giáo dục và nhất là tùy thuộc vào ý chí rèn luyện của cá nhân.

Hoàn cảnh, giáo dục, hoạt động cá nhân,...

Tư chất -----> Năng lực

Trong công tác giáo dục, chúng ta cần chú ý đúng mức vai trò của di truyền trong sự phát triển nhân cách để tránh những thái độ sau đây:

- Không quan tâm đến những đặc điểm tư chất của học sinh và đòi hỏi mọi học sinh phải có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ học tập như nhau hoặc không chú ý phát huy những tư chất thuận lợi ở một số học sinh cũng như không tìm cách hỗ trợ cho những học sinh không có tư chất thuận lợi.

- Đề cao ảnh hưởng của yếu tố di truyền đến mức cho nhân cách là bẩm sinh và phủ nhận khả năng biến đổi bản chất con người

- Hạ thấp vai trò của giáo dục qua việc tổ chức giáo dục theo mức độ phát triển đã bị qui định bởi yếu tố di truyền.

## **2.2. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển nhân cách**

- *Vai trò của môi trường tự nhiên*

Những đặc điểm về địa hình, thời tiết, khí hậu tạo điều kiện rèn luyện hình thành những phẩm chất nhân cách của cá nhân. Thông thường tính cách của con người liên quan đến đặc điểm địa lý của khu vực sinh sống. Tuy nhiên môi trường tự nhiên không ảnh hưởng trực tiếp hay có ý nghĩa quyết định mà chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách nhưng không mạnh mẽ và quan trọng bằng ảnh hưởng của môi trường xã hội.

- *Vai trò của môi trường xã hội*

Môi trường xã hội gồm có: môi trường xã hội lớn và môi trường xã hội nhỏ.

+ Môi trường xã hội lớn: bao gồm các yếu tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật, nhà nước,...

+ Môi trường xã hội nhỏ: là những yếu tố gắn liền với đời sống hàng ngày như gia đình, nhà trường, khu dân cư,...

Môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Trước hết sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể thực hiện trong một môi trường xã hội, cá nhân không sống trong môi trường xã hội sẽ không hình thành phát triển nhân cách người. Mặt khác, môi trường xã hội qui định mục đích, nội dung và chiều hướng của sự phát triển nhân cách, nó giúp con người hình thành nhân cách nhờ giao tiếp và hoạt động xã hội.

C.Mác đã chỉ ra rằng : *Hoàn cảnh sáng tạo ra con người, trong chừng mực mà con người đã sáng tạo ra hoàn cảnh.*

Do đó, trong quá trình giáo dục cần gắn chặt giáo dục và học tập với thực tiễn cải tạo xã hội nhằm hình thành những giá trị đúng đắn ở học sinh và tạo điều kiện cho các em tham gia vào việc cải tạo và xây dựng môi trường.

*Cơ chế tác động của môi trường xã hội đến cá nhân:*

- Môi trường xã hội lớn không tác động trực tiếp đến cá nhân mà tác động gián tiếp thông qua môi trường xã hội nhỏ. Môi trường xã hội lớn thường khó thay đổi nhưng nếu nó thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi tính chất và các mối quan hệ của môi trường xã hội nhỏ.

- Môi trường xã hội nhỏ ảnh hưởng trực tiếp và tác động thường xuyên, mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Mỗi cá nhân tham gia cùng lúc vào nhiều môi trường nhỏ. Tính chất của các môi trường nhỏ này chi phối rõ rệt đến cá nhân. Tuy nhiên môi trường xã hội nhỏ có thể bị biến đổi dễ dàng bởi sự thay đổi của môi trường xã hội lớn và bởi hoạt động của các thành viên.

- Tác động của môi trường xã hội không hoàn toàn trực tiếp chi phối đến cá nhân mà phải thông qua “bộ lọc cá nhân” (những kinh nghiệm, vốn sống và những định hướng giá trị đã hình thành trong mỗi cá nhân). Điều này góp phần lý giải hiện tượng những người cùng sống trong một khu vực, một cộng đồng xã hội nhưng có nhiều sự khác biệt về nhân cách.

Đối với trẻ em, vì chưa tham gia các hoạt động xã hội, nghề nghiệp nên môi trường xã hội nhỏ (gia đình, nhà trường, nhóm bạn) có ảnh hưởng quan trọng; còn đối với người trưởng thành, hoạt động nghề nghiệp tác động đến cá nhân thông qua bộ lọc cá nhân mạnh hơn tác động của môi trường nhỏ. Ngoài ra cá nhân không chỉ là đối tượng nhận sự tác động của môi trường mà còn là chủ thể tham gia biến cải môi trường.

Như vậy, môi trường không đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển nhân cách, mức độ ảnh hưởng của môi trường tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ, xu hướng, năng lực của cá nhân. Trong công tác giáo dục, điều quan trọng là giúp cá nhân hình thành khả năng tự giáo dục theo hệ thống định hướng giá trị phù hợp với các chuẩn mực xã hội, để họ biết chọn lựa học hỏi những điều tích cực lành mạnh và biết loại bỏ tránh xa những điều xấu xa tiêu cực trong môi trường sống.

### **2.3. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách**

Hoạt động cá nhân: Hoạt động là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người (chủ thể) và thế giới (khách thể) để tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người. Cuộc sống của con người là một chuỗi hoạt động, bởi lẽ hoạt động là phương thức tồn tại của con người, là nhân tố quyết định trực tiếp sự hình thành và phát triển nhân cách. Hoạt động giúp cá nhân trải nghiệm và thu thập vốn sống để trưởng thành, phát triển; hoạt động giúp con người thích nghi được với hoàn cảnh và tự khẳng định nhân cách của mình.

Thông qua hai quá trình chủ thể hóa và khách thể hoá, nhân cách con người bộc lộ và hình thành. Thông qua hoạt động, con người dần dần hoàn chỉnh bản thân, hình thành những nét nhân cách thích hợp với yêu cầu của hoạt động và của xã hội. Quá trình phát triển nhân cách của trẻ em thường diễn ra trong các hoạt động cơ bản như sau: hoạt động giao tiếp, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động và hoạt động xã hội. Những



hoạt động cơ bản này cũng là những dạng hoạt động chủ đạo của từng thời kỳ lứa tuổi, chi phối mạnh mẽ đến sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi đó.

Giao tiếp là một dạng hoạt động: Giao tiếp là sự tác động qua lại giữa người với người trong xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu về người khác. Giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu của sự phát triển nhân cách. Quá trình giao tiếp giúp cá nhân gia nhập vào các quan hệ xã hội, lĩnh hội nền văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội, từ đó tạo nên bản chất con người, làm cho nhân cách phát triển. Trẻ em khi mới sinh ra đã có nhu cầu giao tiếp với người lớn (người mẹ), càng lớn lên nhu cầu giao tiếp càng phát triển và mở rộng dần. Nhờ sự giao tiếp này trẻ mới có thể tồn tại và phát triển tâm lý ổn định. Những trẻ mồ côi được các tổ chức xã hội nuôi dưỡng thường phát triển tâm lý chậm chạp do mức độ giao tiếp của trẻ với người lớn ít hơn so với những trẻ em được nuôi dưỡng trong gia đình bình thường. Đối với trẻ em các quan hệ giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi có uy tín như cha mẹ, thầy cô ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách.

Như vậy, hoạt động và giao tiếp cá nhân là yếu tố trực tiếp quyết định đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Con người luôn sống trong một môi trường, nhưng môi trường không quyết định nhân cách của họ mà chính những hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp của cá nhân trong môi trường đó mới chi phối đến đời sống tâm lý và hình thành những tính cách của cá nhân. Sự phát triển nhân cách của trẻ được thúc đẩy mạnh mẽ bởi tính chất và mức độ giao tiếp của trẻ với người lớn và bởi các hoạt động chủ đạo tương ứng với mỗi giai đoạn lứa tuổi.

### **3. Vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách**

#### **3.1. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách**

Theo thuyết sinh học hay thuyết tiền định: Sự phát triển nhân cách do yếu tố di truyền quyết định, môi trường và giáo dục không có vai trò gì trong sự phát triển nhân cách. Sai lầm cơ bản của thuyết này là tuyệt đối hóa ảnh hưởng của yếu tố di truyền.

Theo thuyết duy cảm: Môi trường là yếu tố quyết định sự phát triển nhân cách, giáo dục là “vạn năng”. Thuyết này cho rằng trẻ em như “tờ giấy trắng”, môi trường và giáo dục tác động như thế nào thì trẻ sẽ phát triển như thế ấy. Sai lầm cơ bản của thuyết này là tuyệt đối hóa ảnh hưởng của yếu tố môi trường và giáo dục.

Theo quan điểm Mác-xít: Giáo dục chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, giáo dục không có tính “vạn năng”, không có tính quyết định mà chỉ đóng vai trò chủ đạo đối với sự phát triển nhân cách. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách thể hiện:

### ***3.1.1. Giáo dục định hướng và tổ chức dẫn dắt quá trình hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân***

- Xác định mục đích giáo dục cho cả hệ thống, cho từng bậc học, cấp học, trường học và từng hoạt động giáo dục cụ thể

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, lựa chọn phương pháp, phương tiện và hình thức giáo dục đáp ứng mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung và đối tượng, điều kiện giáo dục cụ thể.

- Tổ chức các hoạt động, giao lưu

- Đánh giá, điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục...

Sự định hướng của giáo dục không chỉ thích ứng với những yêu cầu của xã hội hiện tại mà còn phải thích hợp với yêu cầu phát triển của tương lai để thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Vì vậy, giáo dục phải đi trước, đón đầu sự phát triển. Muốn đi trước, đón đầu sự phát triển, giáo dục căn cứ trên những dự báo về gia tốc phát triển của xã hội, thiết kế nên mô hình nhân cách của con người thời đại với hệ thống định hướng giá trị tương ứng.

### ***3.1.2. Giáo dục can thiệp, điều chỉnh các yếu tố khác nhằm tạo sự thuận lợi cho quá trình phát triển nhân cách***

Các yếu tố bẩm sinh - di truyền, môi trường và hoạt động các nhân đều có ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách ở các mức độ khác nhau, tuy nhiên yếu tố giáo dục lại có thể tác động đến các yếu tố này để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển nhân cách.

\* Đối với di truyền

- Giáo dục tạo điều kiện thuận lợi để những mầm mống của con người có trong chương trình gene được phát triển. Chẳng hạn, trẻ được di truyền cấu tạo cột sống, bàn tay và thanh quản ... nhưng nếu không được giáo dục thì trẻ khó có thể đi thẳng đứng bằng hai chân, biết sử dụng công cụ hay phát triển ngôn ngữ...

- Giáo dục rèn luyện, thúc đẩy sự hoàn thiện của các giác quan và vận động cơ thể.

- Giáo dục phát hiện những tư chất của cá nhân và tạo điều kiện để phát huy năng khiếu thành năng lực cụ thể.

- Giáo dục tìm cách khắc phục những khiếm khuyết cơ thể để hạn chế những khó khăn của người khuyết tật trong sự phát triển nhân cách (phục hồi chức năng hoặc hướng dẫn sử dụng công cụ hỗ trợ). Ngoài ra giáo dục còn góp phần tăng cường nhận thức trong xã hội về trách nhiệm của cộng đồng đối với người khuyết tật và tổ chức cho toàn xã hội chia sẻ, hỗ trợ người khuyết tật vượt qua khó khăn và sự bất hạnh của mình.

\* Đối với môi trường

- Giáo dục tác động đến môi trường tự nhiên qua việc trang bị kiến thức và ý thức bảo vệ môi trường của con người, khắc phục được sự mất cân bằng sinh thái, làm cho môi trường tự nhiên trở nên trong lành, đẹp đẽ hơn.

- Giáo dục tác động đến môi trường xã hội lớn thông qua các chức năng kinh tế - xã hội, chức năng chính trị - xã hội, chức năng tư tưởng – văn hóa của giáo dục.

- Giáo dục còn làm thay đổi tính chất của môi trường xã hội nhỏ như gia đình, nhà trường và các nhóm bạn bè, khu phố..., để các môi trường nhỏ tạo nên những tác động lành mạnh, tích cực đến sự phát triển nhân cách con người. Hiện nay công tác giáo dục xã hội đang chú tâm xây dựng gia đình là một mái ấm dân chủ, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc; nhà trường là một môi trường thân thiện đối với học sinh, cộng đồng dân cư là khu vực văn hóa của một xã hội văn minh tiến bộ.

\* Đối với hoạt động cá nhân

- Giáo dục tổ chức nhiều loại hình hoạt động giao tiếp bổ ích, lành mạnh nhằm phát huy những phẩm chất và năng lực cá nhân (sân chơi ở các nhà văn hóa cho mọi lứa tuổi, các câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc tại địa phương, ...); xây dựng những động cơ đúng đắn của cá nhân khi tham gia hoạt động, giao tiếp đồng thời hướng dẫn cá nhân lựa chọn các hoạt động và giao tiếp phù hợp với khả năng của bản thân. Đặc biệt công tác giáo dục luôn xây dựng các mối quan hệ giao tiếp tích cực giữa thầy trò, giữa bạn bè với nhau đồng thời tổ chức và định hướng cho trẻ tham gia vào các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn lứa tuổi để thúc đẩy sự phát triển nhân cách.

- Giáo dục tạo tiền đề cho tự giáo dục của cá nhân. Tự giáo dục thể hiện tính chủ thể của cá nhân khi con người đáp ứng hoặc tự vận động nhằm chuyển hóa các yêu cầu của giáo dục thành phẩm chất và năng lực của bản thân. Nếu cá nhân thiếu khả năng tự giáo dục thì các phẩm chất và năng lực của họ sẽ hình thành ở mức độ thấp hoặc thậm chí không thể hình thành. Trình độ, khả năng tự giáo dục của cá nhân phần lớn bắt nguồn từ sự định hướng của giáo dục. Giáo dục đúng đắn và đầy đủ sẽ giúp con người hình thành khả năng tự giáo dục, đề kháng trước những tác động tiêu cực của xã hội để phát triển nhân cách mạnh mẽ. “Chỉ có những người biết tự giáo dục mới là những người thực sự có giáo dục.” (Bennet – Anh)

### **3.2. Điều kiện để giáo dục giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển nhân cách**

Như vậy thông qua các tác động đón đầu sự phát triển, giáo dục không chỉ thúc đẩy sự phát triển nhân cách cá nhân mà còn thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên giáo dục không phải là vạn năng, không thể một mình quyết định toàn bộ tiến trình phát triển nhân

cách. Giáo dục chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển nhân cách thông qua những tác động có tính chủ đạo. Vì vậy, để giáo dục thực sự đóng vai trò chủ đạo đối với sự hình thành và phát triển nhân cách cần có các điều kiện sau:

- Công tác dự báo về xu hướng phát triển của xã hội phải đưa ra những định hướng đúng đắn để giáo dục thực hiện tốt chức năng đón đầu sự phát triển.

- Các yếu tố trong quá trình giáo dục phải thống nhất với nhau, nhà giáo dục phải giữ vai trò chủ đạo, người được giáo dục phải thể hiện vai trò chủ động.

- Phải có sự kết hợp chặt chẽ ba lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo. Những yếu kém của giáo dục thường có nguyên nhân từ sự thiếu phối hợp đồng bộ giữa ba lực lượng giáo dục này.

- Nhà giáo dục phải nắm vững đặc điểm tâm sinh lý của người được giáo dục.

- Nhà giáo dục phải có phẩm chất và năng lực để làm tốt công tác giáo dục

---

### **Câu hỏi củng cố:**

1. Nhân cách là gì ? Nhân cách được hình thành như thế nào ?.
2. Có các yếu tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách ?.
3. Di truyền có vai trò như thế nào trong sự phát triển nhân cách ? Vì sao ?.
4. Môi trường có vai trò như thế nào trong sự phát triển nhân cách ? Vì sao ?
5. Tại sao giáo dục nhà trường lại có vai trò chủ đạo trong sự phát triển nhân cách
6. Vì sao hoạt động - giao lưu có vai trò quy định trực tiếp đến sự phát triển nhân cách ?
7. Phân tích nhận định hai câu thơ của bài thơ “ Nửa đêm” (Trích trong “Nhật ký trong tù”) sau đây:

" Hiền dữ đâu phải là tính sẵn

Phần lớn do giáo dục mà nên”

### **Bài tập về nhà:**

1. Sự hình thành và phát triển cá nhân chịu tác động của các yếu tố nào?

- a. Bẩm sinh, di truyền.
- b. Môi trường.
- c. Giáo dục.
- d. Hoạt động cá nhân.

e. Cả 4 yếu tố trên.

2. Trong điều kiện nào dưới đây thì con người sẽ trở thành tài năng trong một lĩnh vực nào đó?

a. Có những tư chất bẩm sinh di truyền thuận lợi.

b. Có điều kiện xã hội thuận lợi.

c. Có hoạt động cá nhân tích cực.

d. Cả a, b, c.

3. Trong những điều kiện dưới đây, thì điều kiện nào là điều kiện cần thiết để cá nhân trở thành tài năng trong một lĩnh vực nào đó?

a. Có điều kiện học tập thuận lợi.

b. Có sự quan tâm đầu tư của gia đình.

c. Có những tư chất, năng khiếu thuận lợi.

d. Có sự hoạt động tích cực, tự giác của cá nhân.

e. Cả 4 yếu tố trên.

4. Môi trường xã hội bao gồm:

a. Các quan hệ xã hội trong một xã hội nhất định.

b. Nền văn hoá vật chất và tinh thần của xã hội.

c. Các thiết chế xã hội.

d. Cả a, b, c.

5. Nói “giáo dục có vai trò chủ đạo đối với sự phát triển nhân cách”, điều đó có nghĩa là:

a. Giáo dục vạch ra mục đích, phương hướng cho nhân cách phát triển.

b. Giáo dục tổ chức, hướng dẫn nhân cách phát triển theo mục đích, phương hướng đã vạch ra.

c. Giáo dục điều chỉnh, can thiệp đến các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách.

d. Cả a, b, c.

6. Giáo dục có khả năng hạn chế những ảnh hưởng không thuận lợi của bẩm sinh di truyền nhằm đảm bảo cho sự phát triển con người ngày càng hoàn hảo hơn. Điều đó thể hiện ở chỗ:

a. Dạy học cho những trẻ em bị mù.

b. Dạy học cho những trẻ em bị câm.

c. Dạy học cho những trẻ em bị điếc.

d. Dạy học cho những trẻ em bị trí tuệ thiếu năng.

e. Cả a, b, c, d.

7. Hãy ghép các yếu tố sau cho phù hợp với vai trò của nó đối với sự phát triển của cá nhân.

1. Bẩm sinh, di truyền	a. Quyết định trực tiếp đến sự phát triển cá nhân.
2. Môi trường	b. Là những tiền đề vật chất của sự phát triển cá nhân

3. Giáo dục	c. Ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển cá nhân.
	d. Quyết định gián tiếp đến sự phát triển cá nhân.
	e. Giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển cá nhân.

8. *Hãy ghép các câu thơ, câu tục ngữ sau cho phù hợp với các yếu tố ảnh hưởng để sự phát triển nhân cách con người.*

1. Bẩm sinh di truyền	a. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.
2. Môi trường	b. Trứng rồng lại nở ra rồng. Liu điu lại nở ra dòng liu điu.
3. Giáo dục	c. Đi một ngày đàng học một sàng khôn.
4. Hoạt động cá nhân.	d.... “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn Phần nhiều do giáo dục mà nên”
	e. Nhiều áo thì ấm, nhiều người thì vui.

## BÀI 2

### GIÁO DỤC VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH THEO LỨA TUỔI

#### ❖ Mục tiêu học tập:

1. Phân tích được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách theo từng lứa tuổi

#### ❖ Nội dung bài học:

##### 1. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ hài nhi ( 0 – 1 tuổi)

+ *Sự phát triển nhân cách*

Đứa trẻ khi mới sinh ra chỉ là một sinh vật mang mầm mống người, nhân cách chưa hình thành. Thông qua sự giao lưu với những người lớn trực tiếp chăm sóc (cha mẹ, ông bà, mẹ nuôi...) trẻ hành nhi mới học được cách hòa nhập với cuộc sống xã hội ở ngoài bụng mẹ. Sự phát triển của trẻ hài nhi chủ yếu là về mặt cơ thể được thể hiện ở những tiến bộ trong các hoạt động của các giác quan và của vận động (nhìn, nghe, ngửi, nếm, lật, ngồi, bò,

đứng, đi, cầm nắm...). Chiều hướng phát triển của các giác quan và vận động cơ thể trong giai đoạn này cũng nói lên tính chất và mức độ phát triển về trí tuệ và tinh thần của đứa trẻ.

**+ Nội dung giáo dục**

- Thúc đẩy nhanh sự hoàn thiện của các giác quan và vận động cơ thể.
- Cho trẻ tiếp xúc, làm quen dần với thế giới đồ vật để dần dần hình thành thái độ và phương thức tác động vào đồ vật sau này.

**+ Cách thức giáo dục**

- Người lớn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua sự giao lưu tiếp xúc và đáp ứng các nhu cầu của trẻ. Tùy theo cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng, tùy theo thái độ cư xử của người lớn đối với trẻ mà đứa trẻ nhận được các loại ấn tượng, hình thành các thói quen hành vi trong nếp sống và sinh hoạt sau này (ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân...). Ngoài ra cách tiếp xúc với trẻ em và tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với thế giới cũng giúp đứa trẻ cảm nhận, hình thành được các loại cảm xúc, các thái độ đối với đồ vật, con người... làm nền tảng để sau này trẻ có kinh nghiệm cư xử với thế giới xung quanh.

## **2. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ ấu nhi (1 – 3 tuổi)**

**+ Sự phát triển nhân cách**

Đây là giai đoạn trẻ ấu nhi nhận được các tác động xã hội hóa một cách phong phú và mạnh mẽ. Nhờ các tiến bộ về cơ thể và tâm lý, đặc biệt là với ba thành tựu lớn: luyện tập dáng đi thẳng, hoạt động với đồ vật – công cụ, sự phát triển ngôn ngữ đã góp phần thúc đẩy sự phát triển khả năng tự ý thức của trẻ, một yếu tố thể hiện nhân cách con người.

**+ Nội dung giáo dục**

- Giúp trẻ ấu nhi đạt được ba thành tựu của sự phát triển: luyện tập dáng đi thẳng đứng; hướng dẫn, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc, sử dụng các loại đồ vật theo đúng chức năng và có tính sáng tạo; giúp trẻ phát triển ngôn ngữ (tập cho trẻ nói, diễn đạt suy nghĩ và hiểu điều người khác nói).

- Bước đầu cho trẻ học tập cách thức cư xử theo những quy tắc hành vi trong xã hội đối với người khác (người trong gia đình, cô giáo, bạn bè...)

- Kích thích trẻ phát triển khả năng tư duy ở mức độ trực quan hành động.

**+ Cách thức giáo dục**

- Thông qua việc tiếp xúc với những người thân trong gia đình trẻ học được các quy tắc hành vi đối với thế giới xung quanh. Người lớn cần chú ý đến các biểu hiện của mình về lời nói, hành vi, cử chỉ, thái độ đối với trẻ để giúp trẻ có một khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo.

- Tạo điều kiện cho trẻ được tiếp xúc với nhiều loại đồ vật khác nhau, hướng dẫn trẻ cách thức sử dụng, kích thích trẻ suy nghĩ, sáng tạo ra trò chơi với các đồ vật ấy.

- Xây dựng những cách thức ứng xử thích hợp với các biến chuyển tâm lý của trẻ (sự tự ý thức, thái độ bướng bỉnh...) để sự phát triển nhân cách của trẻ được thuận lợi.

### **3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ mẫu giáo (3 – 6 tuổi)**

#### *\* Sự phát triển nhân cách*

Đây là giai đoạn hình thành nhân cách của trẻ thể hiện ở khả năng hành động theo động cơ gián tiếp. Sự hình thành nhân cách lệ thuộc nhiều vào khuôn mẫu hành vi của người lớn mà trẻ em tiếp xúc (cha mẹ, cô giáo, bạn bè, người xung quanh...). Những dấu ấn ban đầu trên nhân cách của trẻ thường được lưu giữ lại. Sự phát triển nhân cách của trẻ trong giai đoạn này chỉ đạt mức độ thấp nhưng diễn ra với tốc độ cao. Đặc điểm nhân cách trẻ mẫu giáo nổi bật ở khuynh hướng muốn được độc lập hoạt động không có sự kèm cặp của người lớn, đặc biệt là sự cuốn hút trẻ vào trong các loại trò chơi. Thông qua đó trẻ nắm được các phương thức hành động, định hướng và ý thức được các chuẩn mực trong các mối quan hệ giữa người với người và với thế giới xung quanh

#### *\* Nội dung giáo dục*

- Hình thành những nét nhân cách tốt đẹp làm cơ sở cho một nhân cách hoàn thiện sau này thông qua sự gương mẫu trong nhân cách của nhà giáo dục.

- Phát triển các khả năng tâm lý của trẻ như: trí tưởng tượng, khả năng tư duy, trí nhớ, các loại tình cảm cấp cao... như những phương tiện giúp trẻ thu nhận các tác động giáo dục.

- Tiếp tục trang bị cho trẻ những qui tắc ứng xử trong cuộc sống xã hội.

- Giúp trẻ hình thành tâm thế đi học trường phổ thông vào cuối tuổi mẫu giáo.

#### *\* Cách thức giáo dục*

- Thông qua sự gương mẫu của các nhà giáo dục như: cha mẹ, cô giáo...

- Tổ chức cho trẻ tham gia các loại trò chơi bổ ích, thích hợp với lứa tuổi: sắm vai, học tập, vận động...

- Đưa trẻ tham gia vào các loại quan hệ để rèn luyện cách thức cư xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

### **4. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh tiểu học (6 – 11 tuổi)**

#### *\* Sự phát triển nhân cách*

Đây là giai đoạn học sinh bắt đầu tham gia vào hoạt động học tập mang tính xã hội hóa mạnh mẽ để tiếp nhận hệ thống tri thức khoa học của loài người. Dưới ảnh hưởng của hoạt



động học tập, nhân cách của học sinh có nhiều biến đổi phong phú và sâu sắc. Đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học nổi bật ở những nét sau :

- Khả năng nhận thức phát triển nhanh chóng nhờ hoạt động học tập.
- Đời sống xúc cảm, tình cảm chiếm ưu thế hơn và chi phối mạnh mẽ đến các hoạt động, nhận thức của trẻ.
- Tính hồn nhiên, vui tươi hướng về những cảm xúc tích cực.
- Hay bắt chước những người gần gũi, có uy tín với trẻ (cha mẹ, thầy cô, bạn bè...)
- Hành vi ý chí chưa cao, bản tính hiếu động, khó kèm chế, kém tự chủ nên dễ phạm lỗi, nhất là đối với các yêu cầu có tính nghiêm ngặt, đòi hỏi sự tập trung cao độ, gây căng thẳng.

Nhân cách của học sinh tiểu học chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: gia đình, nhà trường, xã hội. Trong đó những ảnh hưởng từ cha mẹ, thầy cô là rất quan trọng vào đầu tuổi và sau đó là các ảnh hưởng từ bạn bè và phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, phim ảnh...

*\* Nội dung giáo dục*

- Phát triển khả năng nhận thức và phẩm chất trí tuệ thông qua hoạt động học tập.
- Rèn luyện tác phong và các thói quen hành vi đạo đức cơ bản của con người theo chuẩn mực xã hội.
- Khắc phục dần các nhược điểm trong đời sống tình cảm (tính hay thay đổi, cách biểu lộ tình cảm không phù hợp...), giúp trẻ biết cảm nhận và biểu lộ tình cảm của mình.
- Rèn luyện các phẩm chất của hành vi ý chí (tính tự chủ, độc lập, khả năng tự kèm chế...)
- Giúp trẻ biết chọn lựa, thu nhận những tác động lành mạnh từ những phương tiện thông tin.

*\* Cách thức giáo dục*

- Lấy sự gương mẫu của các nhà giáo dục làm phương tiện giáo dục.
- Xây dựng, hướng dẫn các nhóm bạn bè của trẻ để tạo nên những ảnh hưởng tích cực trên nhân cách.
- Tổ chức, quản lý chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng.
- Căn cứ trên những nhu cầu của lứa tuổi để tổ chức , hướng dẫn trẻ tham gia các hoạt động cần thiết cho sự phát triển như: học tập, vui chơi, lao động, hoạt động xã hội...

## **5. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh trung học cơ sở (11 – 15 tuổi )**

*\* Sự phát triển nhân cách*

Sự phát triển tâm lý, nhân cách của thiếu niên có nhiều biến động và rất phức tạp, gây ra những khó khăn trong nội tâm thiếu niên cũng như trong mối quan hệ giữa người lớn với các em. Cùng với những biến đổi quan trọng trong cơ thể liên quan đến sự phát triển giới tính, đời sống tâm lý của các em xuất hiện những nhu cầu tâm lý mới như: khuynh hướng muốn làm người lớn (muốn sống tự lập, muốn làm những việc có ý nghĩa), nhu cầu tự khẳng định mình (khẳng định giá trị và phẩm chất, năng lực của bản thân)... Những thúc đẩy tâm lý này thường được thỏa mãn trong quan hệ bạn bè của thiếu niên, nên những tác động từ cha mẹ, giáo viên có khi bị giảm nhẹ trước các chi phối của những bạn bè cùng lứa. Tuổi thiếu niên hay có những suy nghĩ mạnh mẽ và có tính tuyệt đối. Các em đòi hỏi và mong muốn được đáp ứng mà ít chịu suy xét điều kiện thỏa mãn. Tình cảm rất phức tạp, mạnh mẽ, dễ đưa đến kiểu hành động quá khích, gây hấn.

*\* Nội dung giáo dục*

- Tiếp tục phát triển các khả năng trí tuệ và rèn luyện tác phong đạo đức cho thiếu niên.

- Giúp thiếu niên có những hiểu biết cần thiết về giới tính, về các chuẩn mực trong quan hệ cư xử với người khác giới.

- Tạo điều kiện cho thiếu niên thỏa mãn các nhu cầu tâm lý một cách hợp lý và lành mạnh,

*\* Cách thức giáo dục*

- Nhà giáo cần đóng vai trò là người bạn lớn tuổi, gần gũi, đáng tin cậy của thiếu niên để có thể kịp thời giúp các em vượt qua những khó khăn trong sự phát triển của bản thân.

- Xây dựng, hướng dẫn các nhóm bạn của thiếu niên đi vào các hoạt động cần thiết cho sự phát triển lứa tuổi.

- Tổ chức các loại hình hoạt động đáp ứng những nhu cầu nhận thức và vui chơi của thiếu niên.

## **6. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh trung học phổ thông (15 – 18t)**

*\* Sự phát triển nhân cách*

Nhân cách đang trong giai đoạn định hình với nội dung phong phú và có chiều sâu. So với học sinh THCS, học sinh trung học phổ thông có khả năng nhận thức hoàn thiện hơn, các em có thể tìm hiểu sâu và nắm được bản chất của vấn đề chứ không nhìn nhận sự việc cách nông nổi và phiến diện. Nếu được khuyến khích sẽ có những suy nghĩ, mạnh mẽ độc đáo. Xem xét các hoạt động và sản phẩm trí tuệ của các em thể hiện trong hoạt động học tập hoặc sinh hoạt ngoại khóa, chúng ta dễ nhận ra sự tiến bộ nhanh chóng về mặt nhận thức

của các em. Trên một bài báo tường, một học sinh lớp 11 đã viết: “Vây đó, trong vòng tay của cha mẹ, thầy cô, bạn bè, em đã lớn, mười sáu, mười bảy tuổi. Mười sáu hay mười bảy, cái tuổi của một thời mộng mơ dạt dào chấp cánh cho bao kỳ vọng vươn lên. Giờ đây em đã thôi làm thơ ca ngợi đoá hồng trước ngõ mà biết rằng con người phải đổ bao nhiêu máu xương cho đất nở được hoa hồng; em thôi mơ làm công chúa hay hoàng tử trên tiên giới, mà muốn rằng hôm nay, mình phải sống xứng đáng, biết cho đi và quên mình trong hạnh phúc chung...”

Đời sống nội tâm phát triển, các em ý thức rõ rệt hơn về cái tôi và thích hình dung về hình ảnh bản thân. Nhu cầu bộc lộ bản thân để tự khẳng định trở nên mạnh mẽ hơn, các em thích chia sẻ với bạn bè hoặc đối diện với chính mình trên những trang nhật ký. Học sinh trung học cũng mang nhiều suy nghĩ về kế hoạch cuộc đời và định hướng nghề nghiệp trong tương lai, điều này bị chi phối bởi thần tượng của các em. Việc lựa chọn thần tượng lại phụ thuộc vào khả năng xác định hình ảnh bản thân của các em. Những học sinh không nhận thức rõ về bản thân thường định hướng vào những thần tượng xa vời với khả năng phấn đấu, do đó thường nhanh chóng thay đổi thần tượng và càng hoang mang về bản thân. Lứa tuổi này cũng đã quan tâm đến tình cảm giữa nam và nữ nhưng chưa đủ điều kiện để xây dựng tình yêu đôi lứa bền vững. Hoạt động học tập vẫn là hoạt động quan trọng cho sự phát triển nhân cách và cuộc sống tương lai của các em.

*\* Nội dung giáo dục*

- Trang bị cho thanh niên những hiểu biết về tính chất và cách thức cư xử trong tình bạn, tình yêu.

- Hướng dẫn thanh niên xây dựng kế hoạch cuộc đời phù hợp với sự phát triển cá nhân trong xã hội.

- Giúp thanh niên xây dựng lý tưởng sống cao đẹp và biết định hướng vào hệ thống giá trị lành mạnh, tích cực theo chuẩn mực xã hội.

- Tạo điều kiện cho thanh niên lựa chọn đúng loại nghề nghiệp của bản thân bằng cách cung cấp thông tin về các loại nghề nghiệp trong xã hội (đặc điểm, nhu cầu của nghề đối với người lao động). Xác định cho các em biết những nghề nghiệp mà địa phương đang có nhu cầu phát triển. Giúp học sinh THPT nhận ra hứng thú nghề nghiệp và khả năng tương ứng của bản thân.

*\* Cách thức giáo dục*

- Xây dựng một cách đa dạng, phong phú các loại hình hoạt động sôi nổi, hấp dẫn lôi cuốn thanh niên tham gia để phát triển nhân cách lành mạnh.

- Tăng cường các ảnh hưởng tích cực qua phương tiện thông tin đại chúng đến lứa tuổi thanh niên (sản xuất phim ảnh, xuất bản sách, phát hành các loại báo chí thích hợp)
  - Xây dựng hệ thống giá trị đáp ứng yêu cầu của thời đại và tuyên truyền, thuyết phục thanh niên có niềm tin lựa chọn các giá trị được xã hội đánh giá cao.
  - Nhà giáo dục thật sự là người bạn đáng tin cậy đối với họ, có thái độ tôn trọng, khuyến khích các khả năng sáng tạo, độc đáo của thanh niên.
- 

**Câu hỏi củng cố:**

1. Trình bày nội dung và cách thức giáo dục phù hợp theo từng giai đoạn lứa tuổi?
  2. Theo bạn cách giáo dục ở lứa tuổi nào cần quan tâm nhất trong giai đoạn phát triển nhân cách? Vì sao?
- 

## **CHƯƠNG 3: MỤC ĐÍCH, NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC**

### **BÀI 1**

#### **MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU GIÁO DỤC**

---

**❖ Mục tiêu học tập:**

1. Hiểu khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục
2. Hiểu được ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục
3. Phân tích được nội dung mục đích giáo dục tổng quát và mục đích giáo dục tổng quát nhân cách trong thời kỳ CNH- HĐH đất nước.

**❖ Nội dung bài học:**

#### **1. Mục đích giáo dục**

##### **1.1. Khái niệm mục đích giáo dục**

*Mục đích giáo dục là cái đích cần đạt được của sự nghiệp giáo dục mỗi quốc gia.*

- Là phạm trù cơ bản trong Giáo dục học, nó phản ánh tập trung nhất những yêu cầu của kinh tế - xã hội đối với giáo dục tại một giai đoạn lịch sử - xã hội nhất định.
- Là mô hình lí tưởng mang tính dự báo về kết quả giáo dục mà hoạt động giáo dục hướng vào nhằm đạt tới.

- Thể hiện tính định hướng cho mọi hoạt động giáo dục (kể cả công tác xã hội hoá, đa dạng hoá giáo dục).

- Vừa mang tính chuẩn mực, vừa chịu sự quy định của môi trường xã hội (sự tiến bộ và phát triển xã hội).

- Được trình bày với nhiều cấp độ khác nhau như mức độ vĩ mô (áp dụng cho cả hệ thống giáo dục quốc dân), mức độ trung gian (áp dụng cho một cấp học, bậc học, trường học), và mức độ vi mô (áp dụng cho một quá trình dạy học, giáo dục cụ thể).

Vì thế, trong thực tiễn giáo dục sử dụng hai thuật ngữ để diễn đạt cái đích phải đạt đến của hoạt động giáo dục là “mục đích giáo dục” và “mục tiêu giáo dục”.

+ Mục đích giáo dục *chỉ sự hướng tới, nơi muốn đến, kết quả mong đợi* cuối cùng của toàn bộ hoạt động giáo dục.

## **1.2. Nhận thức về mục đích giáo dục**

- Mục đích giáo dục là *cái đích* mà toàn bộ tổ chức và hoạt động của một nền giáo dục hướng tới và phấn đấu để đạt được.

+ Đích mà một nền giáo dục phải hướng tới trong mỗi giai đoạn lịch sử - xã hội bao gồm cả phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển con người trong một hệ thống tương tác.

+ Sự phát triển kinh tế - xã hội quy định sự phát triển con người trong môi trường kinh tế - xã hội ấy và đến lượt mình, sự phát triển con người lại góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội lên một bậc cao hơn.

+ Khi xác định mục đích giáo dục phải xuất phát từ việc phân tích những đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn lịch sử - xã hội nhất định.

Xác định mục đích giáo dục về thực chất là xác định tính chất và phương hướng lâu dài của một nền giáo dục, là xác định chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

## **1.3. Cơ sở xác định mục đích giáo dục**

Căn cứ vào yêu cầu phát triển hiện tại và tương lai đặt ra cho giáo dục những tiêu chí mà quá trình giáo dục cần đạt, đây là căn cứ quan trọng nhất để xác định mục đích giáo dục.

Tuỳ thuộc vào mỗi điều kiện hoàn cảnh phát triển giáo dục hiện có mà mỗi quốc gia xây dựng cho mình hệ thống các tiêu chí mà quá trình giáo dục cần đạt được cụ thể khác nhau:

- *Phương thức sản xuất*

Trong lịch sử phát triển của giáo dục, giáo dục bao giờ cũng phản ánh và phục vụ một phương thức sản xuất nhất định. Đó chính là phương thức sản xuất đã làm nảy sinh ra chính hệ thống giáo dục đó.

Ví dụ: Phương thức sản xuất XHCN là cơ sở của việc hình thành hình thái ý thức XHCN, trong đó có giáo dục. Nhà trường phải phục vụ tích cực cho phương thức sản xuất XHCN. Bởi vậy, phương thức sản xuất XHCN chính là cơ sở của việc xác định mục đích giáo dục của nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

*- Thực tiễn quốc gia*

Căn cứ vào cơ sở tài chính của quốc gia đầu tư cho giáo dục.

Thực tiễn bao gồm truyền thống dân tộc, cách mạng, giáo dục. Con người được đào tạo sẽ là đội ngũ kế tục một cách xứng đáng sự nghiệp cách mạng của các thế hệ trước và phát huy tính sáng tạo xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Họ chính là những người am hiểu hoàn cảnh tự nhiên, xã hội của đất nước.

*- Những đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại*

Cuộc cách mạng KH – CN hiện đại, khởi đầu từ giữa thế kỷ XX ngày càng phát triển với những bước đi thần tốc. Việc áp dụng những thành tựu KH – CN làm thay đổi nhanh chóng và sâu sắc đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Khoa học trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp và nòng cốt, là động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như “vũ bão” đã thể hiện rõ nét ở các yếu tố sau:

- “Bùng nổ” thông tin và sự lạc hậu nhanh chóng của thông tin.

- Việc sử dụng các thế hệ máy tính điện tử và các phương tiện công nghệ hiện đại vào sản xuất và đời sống ngày càng được gia tăng nhanh chóng.

- Việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học – công nghệ vào sản xuất và đời sống đang là cơ hội và thách thức đối với các quốc gia đang phát triển và chính những con người của các quốc gia ấy.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ với những đặc điểm nói trên đòi hỏi con người phải có khả năng cập nhật và ứng dụng thông tin - công nghệ tiên tiến, sử dụng được phương tiện hiện đại. Khả năng tự học để học suốt đời là yêu cầu tất yếu đối với con người trong thời đại ngày nay.

Xu thế phát triển của xã hội ngày nay cũng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với con người, đó là:

- Sự hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin

- Xu thế toàn cầu hóa, xu thế hội nhập, giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng và thân thiện.

- Ước muốn về chung sống hòa bình, dân chủ, bình đẳng, công bằng và khả năng gìn giữ hòa bình đang được củng cố.

- Các vấn đề có tính toàn cầu như xung đột về sắc tộc, dân tộc, tôn giáo; dân số và sự di cư tìm kiếm việc làm, suy giảm môi trường và sinh thái, phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, nạn thất nghiệp... đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm giải quyết.

- Tệ nạn xã hội và bạo hành đang có xu hướng gia tăng trong các nhà trường.

Tất cả các vấn đề trên cần được đặt ra, xem xét và giải quyết bắt đầu từ giáo dục, bằng giáo dục.

### **- Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam**

Từ những thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Việt Nam chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước. Sự biến chuyển của nền kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng tích cực đến mỗi cá nhân như:

- Phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của con người, kích thích con người nắm bắt nhanh nhạy yêu cầu của kinh tế - xã hội.

- Đòi hỏi thế hệ trẻ Việt Nam khả năng thích nghi trước những biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội, năng động và sáng tạo, có tri thức văn hoá, khoa học, có kỹ thuật nghề nghiệp vững vàng, có phẩm chất đạo đức và thái độ đúng đắn...

- Đảng và nhà nước đã xác định chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo để phục vụ tích cực và thường xuyên cho nền kinh tế - xã hội, cụ thể là :

- Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy, là điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu kinh tế – xã hội.

- Giáo dục và đào tạo phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội

- Đầu tư cho giáo dục là một hướng chính của đầu tư phát triển.

- Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, thực hiện công bằng trong giáo dục.

- Giáo dục và đào tạo phải gắn chặt với yêu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với tiến bộ của thời đại.

### **- Những đặc điểm truyền thống của dân tộc Việt Nam**

“Giá trị truyền thống của 1 dân tộc là nguyên lý đạo đức lớn mà con người trong nước thuộc các thời đại, các giai đoạn lịch sử đều dựa vào để phân biệt phải trái, để nhận định nên chăng nhằm xây dựng độc lập tự do và tiến bộ của dân tộc đó”. (GS. Trần Văn Giàu). Dân

tộc Việt Nam có bề dày lịch sử trên 4000 năm văn hiến đã hun đúc được những truyền thống có giá trị trong quá trình dựng nước và giữ nước:

- Truyền thống yêu nước, anh hùng
- Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, lạc quan
- Truyền thống nhân ái
- Truyền thống văn hóa lâu đời

Các giá trị truyền thống đó phải được kế thừa, gìn giữ và phát huy sẽ trở thành nội lực tiềm năng, sức mạnh của con người Việt Nam...

**- Dựa vào nhu cầu của con người học.**

## **2. Mục tiêu giáo dục**

- Mục tiêu giáo dục là những tiêu chí, chỉ tiêu, những yêu cầu cụ thể đối với từng khâu, từng nhiệm vụ, từng nội dung của quá trình giáo dục phải đạt được sau một hoạt động giáo dục.

Mục tiêu giáo dục được xây dựng trên cơ sở cân nhắc những điều kiện hiện có và những khả năng cụ thể của nhà trường của giáo viên và học sinh khi thực hiện quá trình giáo dục.

***Mục tiêu phát triển tổng quát giáo dục Việt Nam:** Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. [Luật giáo dục, tr. 1]*

*Vậy mục tiêu giáo dục được thể hiện ở ba nội dung cơ bản sau:*

- Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí
- Đào tạo nhân lực
- Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài

### **2.1. Giáo dục nhằm nâng cao dân trí**

- Dân trí là trình độ hiểu biết của nhân dân (hiểu biết về sự vật hay về cách xử thế) được tích lũy bằng việc học tập có hệ thống hoặc thẩm thấu đạo đức và các phép tắc lịch sự.

- Nâng cao dân trí là kết quả tổng hợp của nhiều lĩnh vực giáo dục như giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục gia đình, tuy nhiên, giáo dục nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân bao giờ cũng giữ vai trò nòng cốt.

- Việc nâng cao dân trí có ý nghĩa đối với cá nhân (làm cho cá nhân sống hạnh phúc), có ý nghĩa xã hội (làm cho xã hội văn minh, tiến bộ, công bằng), và còn tham gia giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như dân số, môi trường, bệnh AIDS v.v.



- Hiện nay, ở nước ta, khả năng kinh tế - xã hội mới cho phép chúng ta thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học. Với trình độ này so với các nước trong khu vực và với yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá chúng ta còn phải phấn đấu vươn lên rất nhiều.

- Mục tiêu giáo dục đến 2020: *Xây dựng và phát triển bậc học mầm non cho hầu hết trẻ em trong độ tuổi (95% trẻ 5 tuổi được học mẫu giáo); nâng cao chất lượng toàn diện bậc tiểu học, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 và trung học phổ thông vào năm 2020. Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ. [Nghị quyết Đại hội Đảng CSVN khoá VIII].*

- Để đạt đến trình độ dân trí ngày càng cao, giáo dục luôn phải đổi mới và phát triển liên tục theo hướng nhân văn hoá, xã hội hoá, đa dạng hoá, với những phương thức thích hợp, huy động mọi lực lượng, mọi tiềm năng của xã hội làm giáo dục; nâng cao chất lượng và bảo đảm số lượng giáo viên cho toàn bộ hệ thống giáo dục.

## **2.2. Giáo dục nhằm đào tạo nhân lực**

- Nhân lực là sức người, bao gồm sức vóc và trí tuệ (tri thức, kỹ năng nghề và các giá trị đạo đức nghề). Trong nền kinh tế chất xám, tri thức, trí tuệ trở thành đầu vào của một quy trình sản xuất. Vì thế, nói đến nhân lực là nói đến tri thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp của người lao động. Nhân lực là người lao động được giáo dục - đào tạo về một nghề nhất định.

- Việc đào tạo nhân lực là trách nhiệm chính của hệ thống giáo dục quốc dân mà trực tiếp ở hệ thống trường đào tạo nghề từ thấp đến cao.

- Chất lượng và hiệu quả lao động trong nền sản xuất công nghiệp hiện đại phụ thuộc vào trình độ đào tạo nhân lực.

- Trong thực tế, ở nước ta hiện nay, người lao động đã qua giáo dục đào tạo nghề chỉ có 12%, còn tới 88% người lao động chưa được đào tạo nghề, mà chủ yếu là ở lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; đội ngũ công nhân kỹ thuật còn thiếu (40%), công nhân có tay nghề cao còn ít về số lượng (2.8%) và già về tuổi đời (trên 50 tuổi), lực lượng lao động có trình độ đại học còn thấp so với các nước trong khu vực (10 người/1000 dân, trong khi đó Nhật Bản: 71, Hàn Quốc: 53, Philippin: 37); chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu của nghề trong nền kinh tế chất xám, chưa gắn đào tạo với sử dụng, v.v. đã tạo nên những bất ổn trong thị trường sức lao động.

- Cần phải nâng tỉ lệ người lao động được đào tạo nghề lên 25% vào năm 2010, đào tạo nghề theo hướng khoa học kĩ thuật cao; gắn đào tạo với việc phân phối, sử dụng lao động trong thị trường sức lao động phù hợp với luật pháp và quy luật phát triển của kinh tế xã hội.

- Các bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống các trường dạy nghề từ thấp đến cao cần phải đổi mới về mục tiêu, nội dung, phương thức đào tạo, cơ cấu tổ chức hệ thống; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đội ngũ người lao động được đào tạo luôn luôn tiếp cận với cái mới trong kĩ thuật, trong công nghệ, rèn luyện tính năng động, sáng tạo trong sản xuất để họ có thể thích ứng với quá trình biến động và phát triển của nền kinh tế - xã hội đang phát triển trong cơ chế mới, đảm bảo chất lượng đào tạo đi liền với sự phát triển về quy mô đào tạo.

### ***2.3. Giáo dục nhằm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài***

- Nhân tài góp phần tạo ra đà phát triển mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đất nước (kinh tế - xã hội, khoa học kĩ thuật).

- Nhân tài là người có tài. Tài có cấu trúc gồm 4 tầng: khiếu (còn gọi là năng khiếu) - năng lực - tài năng - thiên tài. Cấu trúc này được hình thành trên nền tảng những tác động phức tạp qua lại giữa một bên là hoạt động của con người (chủ thể) và một bên là sự phát triển của các yếu tố di truyền được khơi dậy nhờ hoạt động có định hướng của chủ thể.

- Bồi dưỡng nhân tài trước hết phải phát hiện ra các tư chất (khiếu) ở trẻ, sau đó phát huy khiếu trong điều kiện “dương tính” thì khiếu sẽ bộc lộ và trở thành năng lực, có tài năng. Sự phát triển tư chất dưới ảnh hưởng của hoạt động thực tiễn sáng tạo của con người là một quá trình hết sức phức tạp.

- Việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của cả ba môi trường giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội), trong đó, gia đình giữ vai trò quan trọng.

- Cần có một chính sách coi trọng người tài được thực thi có hiệu quả cùng với việc xác lập những quan hệ công bằng, nhân ái giữa người với người; đó là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển tài năng của đất nước.

### ***2.4. Mục tiêu phát triển con người (phát triển nhân cách)***

- Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.

- Mục tiêu phát triển con người thực chất là xây dựng và phát triển nhân cách con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển và tiến bộ của xã hội trong thời kì mới - công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- *Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa; hình thành*

và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. [Điều 2, Luật giáo dục]

- Thành phần cơ bản của nhân cách con người Việt Nam trong thời kì mới là tri thức - kĩ năng - thái độ. Trong đó :

+ Làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại có nghĩa là hiểu, nhớ và vận dụng được tri thức khoa học ở cả ba phương diện : sự kiện, hiện tượng; quy luật chi phối sự kiện, hiện tượng (khái niệm và lôgic của nó); và cách thức hành động với khái niệm để vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo tri thức khoa học đã lĩnh hội trong các tình huống hoạt động khác nhau nhằm tạo ra các giá trị mới cho xã hội và phát triển tư duy sáng tạo ở chủ thể hoạt động.

+ Kĩ năng thực hành giỏi là khả năng vận dụng đúng, thành thạo, sáng tạo những tri thức khoa học và công nghệ đã lĩnh hội vào thực tiễn nghề nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Hệ thống thái độ đối với tổ quốc, dân tộc, với lao động, đời sống xã hội, với bản thân như thiết tha với lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; kế thừa các giá trị văn hoá nhân loại đồng thời giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc; có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỉ luật; có đạo đức trong sáng, phát huy tính tích cực, có sức khoẻ.

Ba thành phần tri thức - kĩ năng - thái độ trong cấu trúc nhân cách con người mới Việt Nam có mối quan hệ nhân quả. Thái độ (thế giới quan, lí tưởng, niềm tin, đạo đức) định hướng, hình thành động cơ cho cá nhân trong hoạt động chiếm lĩnh các tri thức khoa học, công nghệ và vận dụng chúng vào hoạt động nghề nghiệp. Mặt khác, tri thức, kĩ năng là điều kiện, phương tiện cho cá nhân thực hiện lí tưởng, bồi dưỡng tình cảm, củng cố niềm tin và các giá trị đạo đức ở cá nhân.

Trên đây là mục tiêu giáo dục tổng quát, riêng đối với một con người cụ thể hiện nay là con người lao động mới, có nhân cách phát triển toàn diện hài hòa, nổi bật lên 4 đặc trưng sau:

- Là con người làm chủ bản thân, xã hội và làm chủ thiên nhiên.
- Là con người lao động có ý thức và hành động đúng.
- Có lòng yêu nước.
- Có tinh thần quốc tế vô sản, lòng nhân đạo cao cả.

## **2.5 Mục tiêu giáo dục của các bậc học**

Điều 22 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục mầm non: “Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một”.

Điều 27 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục phổ thông:

1. Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

3. Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

4. Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Điều 33 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp: “Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc.

Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo”.

Điều 39 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục đại học:

1. Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

3. Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

4. Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

5. Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

---

### **Câu hỏi củng cố:**

1. Nêu khái niệm và ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục ?
  2. Trình bày những cơ sở xác định mục đích giáo dục ?
  3. Phân tích nội dung mục đích giáo dục tổng quát và mục đích giáo dục nhân cách trong thời kỳ CNH- HĐH đất nước ?
  4. Dân trí là gì ? Dân trí có ý nghĩa như thế nào trong sự phát triển con người và xã hội ?
  5. Hãy nêu nhận xét giữa trình độ dân trí của Việt Nam hiện nay so với yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ?
  6. Chỉ tiêu nâng cao dân trí của Việt Nam từ nay đến 2020 ?
  7. Nhân lực là gì ? Nhân lực có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia ?
  8. Cấu trúc nhân cách con người Việt Nam mà giáo dục phải hướng đến gồm những thành tố nào ?
-

## BÀI 2: NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC

---

### ❖ Mục tiêu học tập:

1. Trình bày khái niệm nguyên lý giáo dục
2. Phân tích được các nguyên lý giáo dục
3. Vận dụng các nguyên lý giáo dục vào hoạt động giáo dục

---

### ❖ Nội dung bài học

#### 1. Khái niệm về nguyên lý giáo dục

Theo nghĩa thông thường, nguyên lý là những luận điểm chung nhất, có tính quy luật của một lí thuyết khoa học, có vai trò chỉ đạo hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực đó. Ta vẫn thường nói: nguyên lý vận hành hệ thống thiết bị, nguyên lí tổ chức xã hội, nguyên lý giáo dục... đó là những luận điểm chung nhất có tính quy luật của lý thuyết cơ học, lý thuyết xã hội học hay lý thuyết giáo dục..., khi nắm vững các nguyên lý đó ta sẽ tổ chức công việc thực tế một cách thuận lợi và có hiệu quả.

Như vậy nguyên lý giáo dục là những luận điểm chung nhất của lý thuyết giáo dục, có tính quy luật, được khái quát trên các căn cứ khoa học và thực tiễn giáo dục, có vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Trong Tiếng Việt còn có hai khái niệm nguyên lý và nguyên tắc giáo dục có nội dung rất gần với nhau, gây không ít những khó khăn trong quá trình sử dụng, do vậy chúng ta cần phân biệt làm rõ ý nghĩa.

#### *Nguyên lý giáo dục*

Nguyên lý giáo dục là những luận điểm khái quát mang tầm tư tưởng và có tính quy luật của quá trình giáo dục (giáo dục nghĩa rộng), chỉ dẫn toàn bộ hệ thống giáo dục và quá trình sư phạm tổng thể, trong đó có quá trình giáo dục và quá trình dạy học (là những bộ phận cấu thành)

Như vậy, quan hệ giữa nguyên lí giáo dục và nguyên tắc giáo dục là quan hệ giữa chiến lược và chiến thuật, giữa cái chung và cái riêng, mỗi quan hệ này cần được lưu ý khi tổ chức quá trình sư phạm tổng thể và quá trình bộ phận

#### *Nguyên tắc giáo dục*

Như ta đã biết nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản của lý luận giáo dục (giáo dục theo nghĩa hẹp), có giá trị chỉ dẫn các hoạt động giáo dục, hình thành phẩm chất

nhân cách, đạo đức cho học sinh (tương tự như nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản của lý luận dạy học, có giá trị chỉ dẫn quá trình dạy học, giúp học sinh nắm vững tri thức và hình thành kỹ năng theo chương trình dạy học).

*Nguyên lý giáo dục có đặc điểm sau:*

- Nguyên lý giáo dục là một tư tưởng giáo dục được khái quát từ bản chất của giáo dục - như là một hiện tượng xã hội và bị chi phối bởi các quy luật xã hội. Nguyên lý giáo dục được đúc kết từ quy luật về các mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục với kinh tế, văn hóa, khoa học... giữa thượng tầng kiến trúc với hạ tầng cơ sở xã hội. Giáo dục là một bộ phận của hoạt động xã hội, trình độ xã hội quy định trình độ giáo dục. Giáo dục và xã hội gắn kết chặt chẽ với nhau.

- Nguyên lý giáo dục được khái quát từ bản chất của quá trình dạy học, trong đó học tập bao gồm hoạt động nhận thức và hoạt động thực hành của học sinh và việc giảng dạy của giáo viên về thực chất là quá trình tổ chức các hoạt động đó một cách có ý thức. Quá trình dạy học phải gắn lý thuyết với thực hành như một tất yếu.

- Nguyên lý giáo dục được rút ra từ bản chất của quá trình giáo dục – quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho học sinh nhằm hình thành cho họ ý thức, thái độ và hành vi trong sự phối hợp của các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội.

- Giáo dục là hoạt động có mục đích, mục đích giáo dục có tính lịch sử và thời đại. Nguyên lý giáo dục chính là một tư tưởng giáo dục được rút ra từ mục đích giáo dục và trở thành phương thức để thực thi mục đích giáo dục.

- Nguyên lý giáo dục được rút ra từ những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến của nhà trường qua nhiều thời đại, đã làm cho giáo dục đạt tới chất lượng và hiệu quả.

## **2. Nội dung nguyên lý giáo dục**

Nội dung của nguyên lý giáo dục gồm bốn quan điểm quan trọng cần lưu ý:

- Học đi đôi với hành.
- Giáo dục kết hợp với lao động, sản xuất.
- Lý luận gắn với thực tiễn.
- Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

*Học đi đôi với hành* là một tư tưởng giáo dục vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa có tính khoa học vừa có giá trị thực tiễn. Bản chất của tư tưởng này như sau:

- Học sinh đến trường để học tập (học và hành). Học là quá trình nhận thức chân lý khoa học. Hành là luyện tập để hình thành các kỹ năng lao động và hoạt động xã hội, tức là biến kiến thức đã tiếp thu được thành năng lực hoạt động của từng cá nhân. Từ đó ta thấy

mục đích giáo dục của từng thời đại không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn biến áp dụng kiến thức vào thực tiễn, hình thành kỹ năng, kỹ xảo hoạt động.

- Học đi đôi với hành là phương pháp học tập có hiệu quả, bởi vì học đi đôi với hành hỗ trợ cho nhau rất nhiều trong quá trình học tập. Trong quá trình học tập, nếu biết vận dụng kiến thức đã học để thực hành sẽ làm tăng hiệu quả nhận thức, làm giảm lý thuyết “suông” và lúc đó thực hành không phải “mò mẫm” mà được dựa trên một cơ sở lý thuyết khoa học vững chắc, kết quả là kiến thức trở nên sâu sắc và hành động trở nên sáng tạo, tinh thông.

- Trong học tập cần sử dụng nhiều mức độ thực hành và phải gắn với nội dung các môn học, với quy trình và mục tiêu đào tạo. Các trường phổ thông có hệ thống các bài tập thực hành môn học, có các giờ thực hành, thí nghiệm trong phòng thí nghiệm. Các trường dạy nghề có xưởng thực hành chuyên môn, các trường đại học có các hoạt động thực hành nghiên cứu khoa học... Các loại thực hành có thể tiến hành trong trường, ngoài trường, các mức độ thực hành đều làm tăng chất lượng và hiệu quả học tập của học sinh.

*Giáo dục kết hợp với lao động và sản xuất* là tư tưởng giáo dục của nhà trường hiện đại, ta có thể nhận thấy như sau:

- Giáo dục lao động là một nội dung của giáo dục toàn diện, học sinh hôm nay là những người lao động trong tương lai, vì vậy nhà trường phải chuẩn bị cho các em cả tâm lý, ý thức, kiến thức và kỹ năng sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động. Các trường phổ thông hiện nay đã đưa môn học như thủ công, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề vào chương trình dạy học là nhằm mục đích đó. Các trường dạy nghề, giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học có một hệ thống các môn học nghiệp vụ, kỹ thuật sản xuất, là điều kiện tất nhiên.

- Một nguyên tắc giáo dục quan trọng cho học sinh trong mọi thời đại là: giáo dục trong lao động và bằng lao động. Lao động sản xuất vừa là môi trường vừa là phương tiện giáo dục con người. Mọi phẩm chất nhân cách được hình thành trong lao động và trong hoạt động xã hội. Do vậy, tùy theo trình độ lứa tuổi và ngành nghề đào tạo mà các trường vận dụng tư tưởng này một cách sáng tạo để giáo dục có hiệu quả. Gia đình và nhà trường tổ chức cho học sinh lao động tự phục vụ và tham gia lao động công ích xã hội để giáo dục ý thức và kỹ năng lao động cho học sinh.

- Mục đích đào tạo của nhà trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp là tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Nguồn nhân lực này sẽ đạt tới chất lượng cao khi quá trình đào tạo được gắn chặt với thực tiễn lao động sản xuất trong các ngành nghề cụ thể. Các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, đại học thường



xuyên đưa sinh viên tới các nhà máy, xí nghiệp để thực tập sản xuất, đó chính là phương thức tổ chức dạy học trong lao động và bằng lao động.

*Lí luận gắn liền với thực tiễn* đó là một yêu cầu quan trọng đối với quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường Việt Nam.

Chúng ta đều biết, nhà trường là một bộ phận của xã hội, giáo dục nhà trường là một bộ phận của giáo dục xã hội, mục đích giáo dục nhà trường phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Nội dung giáo dục nhà trường phải phản ánh những gì đang diễn biến trong thực tiễn xã hội.

Trong khi giảng dạy lí luận, giáo viên thường xuyên liên hệ với thực tiễn sinh động của cuộc sống, với những diễn biến sôi động hằng ngày, hằng giờ trong nước và trên thế giới, đây là những minh họa vô cùng quan trọng giúp học sinh nắm vững lí luận và hiểu rõ thực tiễn. Học tập có liên hệ thực tiễn làm cho lí luận không còn khô khan, khó tiếp thu mà trở nên sinh động và ngược lại, các sự kiện, hiện tượng thực tiễn được phân tích, được soi sáng bằng lí luận khoa học vững chắc.

Như vậy giáo dục lí luận gắn liền với thực tiễn cuộc sống, nội dung đào tạo trong nhà trường phản ánh những diễn biến của cuộc sống, từ đó làm tăng chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo.

*Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.*

Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Con người sống không đơn độc mà luôn có gia đình, bạn bè và cả cộng đồng xã hội. Trong sự phát triển cá nhân, con người bị rất nhiều yếu tố tác động và do vậy quá trình giáo dục sẽ đạt được hiệu quả nếu ta biết phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.

Giáo dục là quá trình có nhiều lực lượng tham gia, trong đó có ba lực lượng quan trọng nhất: gia đình, nhà trường, và các đoàn thể xã hội. Ba lực lượng giáo dục đều có chung một mục đích là hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ.

Để tiến hành giáo dục, các lực lượng giáo dục phải thống nhất về mục đích, yêu cầu, về nội dung và phương pháp giáo dục, mọi sự giáo dục phân tán, không đồng bộ, theo các khuynh hướng khác nhau đều có thể phá vỡ sự toàn vẹn của quá trình giáo dục.

Gia đình là nơi sinh ra, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em. Giáo dục gia đình dựa trên tình cảm huyết thống, các thành viên gắn bó với nhau trong suốt cuộc đời và như vậy giáo dục gia đình trở nên bền vững nhất.

Giáo dục xã hội là giáo dục trong môi trường nơi trẻ sinh sống. Mỗi địa phương có trình độ phát triển đặc thù, có truyền thống và bản sắc văn hóa riêng. Địa phương có phong

trào hiếu học, có nhiều người thành đạt, có bạn bè tốt là môi trường ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của trẻ em.

Giáo dục xã hội còn bao hàm cả giáo dục của các đoàn thể: Sao Nhi đồng, Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên là các tổ chức quần chúng có tổ chức, có tôn chỉ mục đích phù hợp với mục đích giáo dục của nhà nước và nhà trường. Hoạt động của các đoàn thể phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi, cho nên nó có tác dụng rất lớn đối với thế hệ trẻ.

Tuy nhiên quá trình giáo dục phải lấy nhà trường làm trung tâm. Giáo dục nhà trường có mục đích và nội dung giáo dục toàn diện, dựa trên các cơ sở khoa học và thực tiễn, có kế hoạch, với đầy đủ các phương tiện đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình giáo dục trẻ em.

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, với các tổ chức xã hội và các cơ quan kinh tế, văn hóa đóng ở địa phương càng chắc chắn, càng đem lại những thành công cho giáo dục.

### **3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục**

Như vậy nguyên lý giáo dục là một luận điểm quan trọng được đúc kết trên các căn cứ khoa học và thực tiễn, có giá trị chỉ đạo toàn bộ quá trình giáo dục đi đến mục tiêu.

Nhà nước, nhà trường, giáo viên phải quán triệt nguyên lý giáo dục bằng các biện pháp cụ thể sau đây:

- Cần xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo có tính cân đối giữa các môn lý thuyết và các môn thực hành, phải hợp lý giữa nội dung lý thuyết và thực hành trong từng môn học.

- Quy trình đào tạo và giáo dục phải tuân thủ các quy tắc chuẩn mực, bảo đảm sự thống nhất giữa các môn lý thuyết và thực hành, thống nhất giữa các kiến thức cơ bản và các môn nghiệp vụ, chuyên ngành. Quy trình đào tạo ở các bậc đại học đi từ lý thuyết cơ bản, cơ sở đến thực hành và phải bảo đảm cho tất cả học sinh, sinh viên được thực tập nghiệp vụ ở các cơ sở sản xuất.

- Nhà trường phải sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm trung tâm, phát huy vai trò tích cực, độc lập và sáng tạo của người học. Trong mỗi bài giảng, cùng với việc cung cấp tri thức lí luận, giáo viên phải thường xuyên liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Trong mỗi giờ học học sinh, sinh viên phải được thực hành, thí nghiệm ở các mức độ khác nhau phù hợp với mục đích bài học và nội dung môn học.

- Nhà trường phải tổ chức các cơ sở thực hành, thí nghiệm tùy theo bậc học, ngành học. Điều này cần được đặc biệt lưu ý đến ở các trường chuyên nghiệp, dạy nghề và ở bậc

học đại học, cao đẳng. Ở những nơi có điều kiện cần tổ chức các cơ sở thực hành tại địa phương, đảm bảo thời gian dành cho sinh viên trực tiếp lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất.

- Nhà trường cần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, phải chủ động phối hợp với các gia đình, các cơ quan, đoàn thể để giáo dục học sinh. Sự phối hợp này dựa trên mục đích, nội dung, kế hoạch cụ thể, có phân công trách nhiệm, có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm hằng năm để làm tốt hơn trong các năm sau.

- Nhà nước, nhà trường cần tạo mọi điều kiện, cơ sở vật chất và tinh thần thuận lợi cho giáo viên và học sinh dạy và học theo nguyên lý giáo dục; không có cơ sở, vật chất, điều kiện đảm bảo không thể tổ chức quá trình giáo dục thành công.

- Tóm lại mục đích, nhiệm vụ và nguyên lý giáo dục là ba khái niệm quan trọng của Giáo dục họ, chúng có liên quan mật thiết với nhau và làm cho nội dung giáo dục trở nên phong phú. Nhà trường phải tổ chức quá trình giáo dục để làm sao đạt tới mục đích, đảm bảo các nhiệm vụ và tuân thủ các nguyên lý giáo dục, từ đó dẫn giáo dục đến thành công.

---

❖ **Câu hỏi củng cố:**

1. Phân tích nội dung các nguyên lý giáo dục?
  2. Vận dụng các nguyên lý giáo dục vào hoạt động giáo dục như thế nào?
- 

## CHƯƠNG 4

### HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

#### BÀI 1

#### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

---

❖ **Mục tiêu học tập**

1. Xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục.
2. Nhận biết và lý giải được hệ thống giáo dục Việt Nam,

## ❖ Nội dung bài học

### I. Khái quát chung về hệ thống giáo dục quốc dân

#### 1.1. Khái niệm về hệ thống giáo dục quốc dân

- Hệ thống giáo dục quốc dân là tổng thể các cơ sở giáo dục và đào tạo phục vụ nhu cầu học tập của nhân dân trong nước. [Từ điển Giáo dục học]

- Hệ thống giáo dục quốc dân là một tổ chức bộ máy nhà nước bao gồm trong đó các cơ quan chuyên trách hoạt động giáo dục và đào tạo đối với mọi thành viên trong xã hội, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

- Hệ thống giáo dục quốc dân có các đặc trưng sau :

+ Hệ thống giáo dục quốc dân vận động và phát triển dựa trên những mối quan hệ tác động của hệ thống kinh tế - xã hội trong mỗi giai đoạn phát triển.

+ Hệ thống giáo dục quốc dân là một phức thể gồm nhiều thành tố, sắp xếp theo một trật tự nghiêm ngặt, có nhiệm vụ, chức năng riêng, nhưng đồng thời lại bị chi phối bởi những yếu tố chung về quản lí, điều khiển, tổ chức, kiểm tra.

Vì thế, xét về mặt cơ cấu, hệ thống giáo dục quốc dân là sự liên kết hữu cơ, đồng bộ các cấp học, bậc học từ thấp đến cao; các loại hình đào tạo chính quy, phíchính quy, tập trung và không tập trung v.v.; xét về mặt không gian, hệ thống giáo dục được triển khai thống nhất trên cả nước có tính đến đặc điểm phát triển của mỗi khu vực; xét về mặt thời gian, hệ thống giáo dục quốc dân là sự kế tiếp các giai đoạn đào tạo bao gồm các cấp học, bậc học. Mỗi giai đoạn đào tạo phải thực hiện mục tiêu và nội dung giáo dục - đào tạo tương ứng nhưng luôn đảm bảo tính liên thông trong sự vận động của toàn bộ hệ thống.

#### 1.2. Những cơ sở xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân

##### a. Những tiền đề của mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của toàn Đảng, toàn dân là *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*.

Do đó, hệ thống giáo dục phải thay đổi cơ cấu làm cho nhà trường thích ứng với những đặc điểm của cơ cấu kinh tế xã hội, tạo điều kiện cho số đông người có thể được học. Để làm được điều này, hệ thống giáo dục quốc dân phải thể hiện mạng lưới trường học.

##### b. Những quan điểm và mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thường xuyên nâng cao dân trí của toàn dân.

- Quan điểm định hướng phát triển giáo dục: Giáo dục là quốc sách hàng đầu, xây dựng nền giáo dục nhân dân, dân tộc và hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; liên kết hữu

cơ giữa phát triển giáo dục với phát triển kinh tế; phát triển giáo dục trên nền tảng các giá trị văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại; xây dựng một nền giáo dục cho mọi người, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội có thể học tập suốt đời.

- Mục tiêu phát triển giáo dục: Xây dựng một nền giáo dục có quy mô phù hợp, chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực, dân trí và nhân tài để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân, phát huy cao độ nội lực, sử dụng có hiệu quả sự hợp tác quốc tế để hoàn chỉnh hệ thống giáo dục, trong đó xây dựng một bộ phận có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Vì thế, hệ thống giáo dục quốc dân phải được xây dựng với sự quan tâm của mọi ngành, mọi cấp; hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân phải đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục v.v.

### ***c. Những khả năng cụ thể của đất nước***

- Đất nước đang trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đời sống vật chất còn nghèo nàn, cơ sở kỹ thuật còn lạc hậu, việc ứng dụng các thành tựu khoa học còn chậm và kém hiệu quả.

- Giáo dục của nước ta trong những năm qua đã đạt được những thành quả đáng tự hào, tuy nhiên vẫn còn những bất cập về mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, loại hình trường lớp, phân luồng, tuyển dụng v.v.

Do đó, khi xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân phải được tính toán dựa trên khả năng hiện thực của phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá của xã hội.

### ***d. Kế thừa kinh nghiệm xây dựng và phát triển nền giáo dục của dân tộc Việt***

#### ***Nam***

- Xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân phải kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm đã làm cho hệ thống giáo dục quốc dân ở giai đoạn trước tồn tại và phát triển.

### ***e. Quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, quản lý giáo dục giữa các giai đoạn trong hệ thống***

- Hệ thống giáo dục quốc dân là một chỉnh thể bao gồm trong nó những hệ thống con có quan hệ chặt chẽ mang tính quy luật, đồng thời mỗi hệ thống con lại mang tính độc lập tương đối, và đều chịu sự quy định của mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân phải đảm bảo sự đa dạng hoá, chuẩn hoá, liên thông liên kết từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp đến cao đẳng, đại học và

sau đại học; phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; phát triển mạng lưới trường lớp khắc phục bất hợp lý về cơ cấu trình độ, ngành nghề, cơ cấu vùng; ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

---

### **Câu hỏi củng cố:**

1. Khái niệm về hệ thống giáo dục quốc dân?
  2. Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm những cấp, bậc học nào?
  3. Những căn cứ để xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân?
- 

## **BÀI 2**

### **CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM**

---

#### **❖ Mục tiêu học tập**

1. Xác định được cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân
  2. Nhận xét và so sánh được các mục tiêu giáo dục tổng quát và mục tiêu giáo dục của các cấp học, bậc học.
  3. Phân tích và chứng minh được các điều kiện cần và đủ của mục tiêu giáo dục và nhận xét thực trạng của các điều kiện đó ở Việt Nam hiện nay.
- 

#### **❖ Nội dung bài học**

### **1. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam**

#### **1.1 Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam**

##### **\* Về cơ cấu**

Kể từ tháng 12/1998, sau khi *Luật giáo dục* đã được Quốc hội thông qua, thì cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân gồm :

##### **a) Giáo dục mầm non**

Mục tiêu là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách; chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. Giáo dục mầm non gồm nhà trẻ, nhóm trẻ, trường lớp mẫu giáo hoặc trường mầm non.

##### **b) Giáo dục phổ thông**

Gồm hai bậc học:

+ Bậc tiểu học: Mục tiêu là hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển lâu dài và đúng đắn về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng để tiếp thu học lên THCS là bậc học bắt buộc với trẻ em từ 6 đến 14 tuổi.

+ Bậc trung học: Gồm 2 cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Cấp trung học cơ sở: Mục tiêu là củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học, hình thành trình độ học vấn phổ thông cơ sở, hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp.

Cấp trung học phổ thông, có mục tiêu là củng cố và phát triển giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông, hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp.

**Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm:**

- Trường tiểu học.
- Trường trung học cơ sở.
- Trường trung học phổ thông.
- Trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp

**c) Giáo dục nghề nghiệp**

Giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ 3 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Dạy nghề được thực hiện dưới 1 năm đối với đào tạo nghề trình độ sơ cấp, từ 1 đến 3 năm đối với đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

**Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp:**

Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc.

Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo.

**Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:**

*Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:*

- Trường trung cấp chuyên nghiệp.
- Trường cao đẳng dạy nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề (cơ sở dạy nghề).
- Cơ sở dạy nghề có thể tổ chức độc lập hoặc gắn với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở giáo dục khác.

#### **d. Giáo dục đại học**

**Giáo dục đại học bao gồm:**

1. Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

2. Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 đến 6 năm tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2 năm rưỡi đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

3. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng đại học.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ 2 đến 3 năm học đối với người có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ giáo dục – đào tạo.

*Thủ tướng chính phủ quy định cụ thể việc đào tạo trình độ tương đương với trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở một số ngành chuyên môn đặc biệt.*

**Mục tiêu của giáo dục đại học:**

Là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1. Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có ý thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

2. Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.



3. Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp sinh viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

### **Cơ sở giáo dục đại học:**

*Có sở giáo dục đại học gồm:*

- Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng.
- Trường đại học đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học; đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi được Thủ tướng Chính phủ giao.
- Viện nghiên cứu khoa học đào tạo trình độ tiến sĩ, phối hợp với trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ khi được Thủ tướng Chính phủ giao.

*Cơ sở giáo dục đại học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ khi bảo đảm các điều kiện sau đây:*

- Có đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đủ số lượng, có khả năng xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo và tổ chức hội đồng đánh giá luận án.
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học: đã thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu thuộc đề tài khoa học trong các chương trình khoa học cấp nhà nước, có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học.

*Mô hình tổ chức cụ thể của các loại trường đại học do Chính phủ quy định.*

**Mục tiêu giáo dục đại học:** Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý kiến và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Nội dung và phương pháp đào tạo trình độ đại học và cao đẳng:

Nội dung đảm bảo tính hiện đại và phát triển, kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành.

Phương pháp: Coi trọng năng lực tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng thực hành. Phối hợp các hình thức luyện tập ở trên lớp và ở nhà.

### **Các loại hình trường lớp và phương thức đào tạo**

- Các loại hình trường lớp

Mỗi bậc học có nhiều loại hình trường khác nhau như trường công lập, trường bán công, trường dân lập và trường tư (tư thục).

Có thể thành lập các loại trường riêng, có tính chất đặc biệt dành cho các đối tượng có năng khiếu hoặc trẻ có khuyết tật, trẻ vì lí do xã hội, kinh tế mà đi học chậm hoặc bỏ học.

- Phương thức đào tạo

Mỗi bậc học, trường học, ngành học được tổ chức giáo dục - đào tạo theo nhiều phương thức khác nhau như hệ dài hạn, hệ ngắn hạn; hệ tập trung và hệ không tập trung; hệ bồi dưỡng; hệ đào tạo từ xa v.v.

Việc đa dạng hoá các loại trường và các loại hình giáo dục - đào tạo nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho mọi công dân có nhu cầu, có điều kiện đều có thể theo học, góp phần thực hiện các chính sách giáo dục, thực hiện công bằng xã hội.

Mỗi người học, khi đạt đầy đủ những yêu cầu về một văn bằng hoặc chứng chỉ quy định thì người học sẽ được cấp văn bằng hoặc chứng chỉ theo quy định.

Văn bằng và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân đều do Nhà nước thống nhất quản lí, chỉ có Thủ trưởng các cơ quan giáo dục được Nhà nước cho phép tổ chức kì thi tương ứng mới được cấp các chứng chỉ và văn bằng theo luật định.

Sơ đồ hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam

*Các thành tố trong hệ thống giáo dục quốc dân*

Giáo dục mầm non : Nhà trẻ, Mẫu giáo.

Giáo dục tiểu học .

Giáo dục trung học cơ sở .

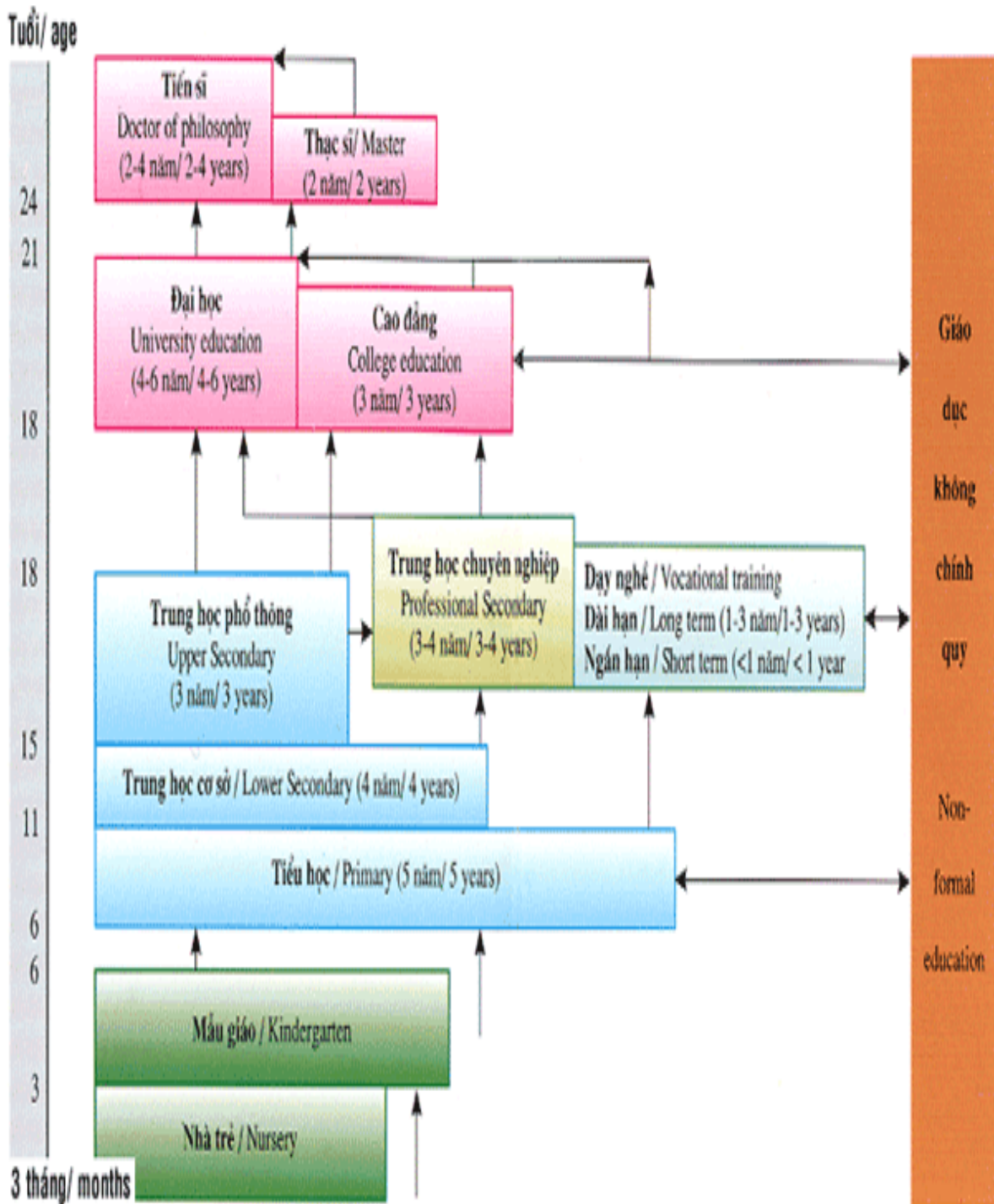
Giáo dục trung học phổ thông.

Giáo dục nghề nghiệp : Dạy nghề (1-2 năm), Trung học chuyên nghiệp (1-2 năm),  
Trung học chuyên nghiệp (3-4 năm).

Giáo dục đại học : Cao đẳng (3 năm), Đại học (4-6 năm).

Giáo dục sau đại học : Đào tạo thạc sĩ (2 năm), Đào tạo tiến sĩ (2-4 năm).

## HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN / THE NATIONAL EDUCATION SYSTEM



*Sơ đồ hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam*

---

❖ **Câu hỏi củng cố:**

1. Tổ chức hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam và so sánh với hệ thống giáo dục của một số nước trong khu vực và nhận xét đánh giá gì?

2. Nêu những ưu điểm và hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục ở bậc đại học ở Việt Nam. Từ đó đề xuất những biện pháp cần thiết?

**Bài tập về nhà:**

1. *Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay bao gồm những ngành học nào?*

- a. Ngành giáo dục mầm non.
- b. Ngành giáo dục phổ thông.
- c. Ngành giáo dục chuyên nghiệp.
- d. Ngành giáo dục đại học.
- e. Cả a, b, c, d.

2. *Mục tiêu giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay là gì?*

a. Đào tạo nhân lực giỏi, cho các thành phần kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi mới về chất lượng cho nền kinh tế thị trường.

- b. Bồi dưỡng tri thức tinh hoa, nhân tài cho đất nước.
- c. Nâng cao dân trí.d.
- c. Cả a, b, c.

3. *Công nghệ giáo dục có tác dụng:*

- a. Nâng cao năng suất của giáo dục.
  - b. Tạo cho giáo dục những nền tảng khoa học mới.
  - c. Cho phép cá thể hoá giáo dục.
  - d. Tăng cường sự bình đẳng trước giáo dục.
  - e. Cả a, b, c.
-

# CHƯƠNG 5

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN

### BÀI 1

## VAI TRÒ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN

---

#### ❖ Mục tiêu học tập

1. Hiểu được vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn và những yêu cầu của người giáo viên.
2. Phân tích các đặc điểm của lao động sư phạm
3. Trình bày các biện pháp rèn luyện phẩm chất của người giáo viên

---

#### ❖ Nội dung bài học

### I. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên

#### 1.1 Vai trò người giáo viên

*1.1.1 Vai trò của nhà giáo trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo* (được quy định trong Luật giáo dục, xem Luật Giáo dục mới).

- Nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục.
- Nhà giáo phải không ngừng học tập, rèn luyện nêu gương tốt cho người học.
- Nhà nước tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; có chính sách bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện nhiệm vụ của mình; giữ gìn và phát huy truyền thống quý trọng nhà giáo, tôn vinh nghề dạy học.

#### *Vai trò người thiết kế*

Người giáo viên nói chung là những người thiết kế chương trình hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh. Căn cứ vào mục đích, nội dung giáo dục và logic của quá trình sư phạm; trên cơ sở đặc điểm tâm sinh lí của học sinh; dựa trên các khả năng và điều kiện cho phép, người giáo viên phân tích mục tiêu giáo dục để thiết kế quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh. Người giáo viên thiết kế để hướng dẫn cho học sinh tích cực tự thiết kế và tự giác thi công. Giáo viên chọn lựa nội dung giáo dục, xây dựng quy trình hoạt

động, sử dụng phối hợp các phương pháp giảng dạy, giáo dục, thiết kế hoạt động chung của tập thể, đồng thời chú ý đến những trường hợp cá biệt của học sinh.

#### *Vai trò người tổ chức*

Giáo viên là người chỉ đạo lớp học, tổ chức các hoạt động và giao lưu cho học sinh trong quá trình giáo dục - dạy học, làm cho mỗi học sinh phát huy đầy đủ năng lực và trách nhiệm, phát huy tính sáng tạo trong các hoạt động của mình, đồng thời giáo viên cũng là người hướng dẫn quá trình tự giáo dục của học sinh. Giáo dục học sinh là tổ chức các loại hình hoạt động phong phú và đa dạng; tổ chức các mối quan hệ nhiều mặt của họ với người khác và xã hội, với thế giới xung quanh; là tổ chức các dạng hoạt động và giao lưu giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với những người khác.

#### *Vai trò người lãnh đạo, chỉ huy, động viên, cổ vũ*

Ngoài vai trò là người thiết kế, tổ chức, người giáo viên cũng lãnh đạo, chỉ huy, điều khiển, điều chỉnh, khích lệ quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. Giáo viên giữ vai trò hướng dẫn, uốn nắn, điều chỉnh, động viên, nhắc nhở cho học sinh chủ động hình thành và phát triển nhân cách.

#### *Vai trò người đánh giá*

Trên cơ sở những thông tin thu nhận được về quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, giáo viên thẩm định, đánh giá học lực và hạnh kiểm của học sinh. Giáo viên là người trọng tài cho quá trình học tập và rèn luyện của tập thể học sinh. Người giáo viên phải có đầy đủ năng lực, có trách nhiệm để chỉ ra cái hay, cái đẹp, đánh giá đúng những giá trị thật sự năng lực và phẩm chất nhân cách của học sinh để từ đó tiếp tục hoàn thiện quá trình giáo dục. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 đã nêu ra việc hoàn thiện định mức lao động, chế độ làm việc, chế độ chính sách đối với nhà giáo để tạo điều kiện, động lực và phát huy hơn nữa vai trò của nhà giáo trong sự nghiệp giáo dục.

Cụ thể là :

- Từng bước xây dựng chế độ trả lương theo số lượng và chất lượng dạy học.
- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, giáo dục các đối tượng đặc biệt.
- Nhà nước có chế độ, chính sách ưu đãi về lương đối với nhà giáo.
- Mở rộng diện tuyển giáo viên, giảng viên theo chế độ hợp đồng dài hạn.

#### **1.1.2. Các chức năng cơ bản của người giáo viên**

Chức năng cơ bản của người giáo viên là giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Trong giảng dạy, người giáo viên không những truyền đạt thông tin, kiến thức cho học sinh mà còn tổ chức, hướng dẫn, điều khiển quá trình nhận thức của học sinh.

- Mặt khác, người giáo viên còn tổ chức cho học sinh các hoạt động giáo dục, tạo điều kiện để học sinh có thể hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết cho việc lao động và sinh hoạt trong một xã hội đang không ngừng biến đổi.

- Ngoài ra người giáo viên còn nghiên cứu khoa học và tham gia nhiều hoạt động xã hội khác phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

### **1.1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên**

#### *Các căn cứ để xác định nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên*

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước đã và đang đặt ra cho ngành giáo dục và đào tạo nói chung, người giáo viên nói riêng những nhiệm vụ hết sức khó khăn và nặng nề. Dạy học không chỉ đơn thuần là truyền thụ tri thức cho học sinh mà thông qua việc dạy chữ để dạy người, làm cho người học trở thành những người có nhân cách tốt.

Mặt khác, chức năng của người giáo viên cũng đã thay đổi. Trước kia chức năng chủ yếu của người giáo viên là cung cấp cho người học hệ thống tri thức. Song ngày nay người giáo viên không những phải tổ chức, hướng dẫn, điều khiển để người học lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, phổ thông cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, rèn luyện hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng mà còn phải hình thành cho người học sinh cơ sở của thế giới quan khoa học, các phẩm chất đạo đức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo.

#### *Nhiệm vụ của người giáo viên*

Để thực hiện được chức năng của mình, người giáo viên cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục.
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường.
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học.
- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### *Quyền hạn của người giáo viên*

Nhà giáo có những quyền hạn sau đây :

- Được giảng dạy theo chuyên ngành đào tạo.

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục và nghiên cứu khác với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch do nhà trường giao cho.
- Được nghỉ hè, nghỉ tết âm lịch, nghỉ học kì theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Được đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**❖ Một số quan điểm về cấu trúc tâm lí của nhân cách người giáo viên**

Niềm tin cách mạng là cơ sở để người giáo viên gắn bó cuộc đời mình với sự nghiệp cách mạng dân tộc, với sự nghiệp giáo dục mà trọng trách là bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Niềm tin sư phạm là yếu tố quan trọng thuộc về phẩm chất đạo đức của người giáo viên, đồng thời có vị trí quan trọng trong cấu trúc năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Niềm tin sư phạm là niềm tin vào bản thân tốt đẹp của con người, vào khả năng giáo dục, là động lực thúc đẩy người giáo viên tìm tòi nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh, xác định biện pháp để tăng cường các yếu tố tích cực hoặc hạn chế ảnh hưởng tiêu cực. Người giáo viên cần phải có tình cảm trong sáng và cao thượng. Tình cảm này thể hiện ở lòng yêu nghề, yêu trẻ.

- Theo quan điểm của các tác giả chương trình KX 07 (Đỗ Long chủ biên) *Hồ Chí Minh, những vấn đề tâm lí học nhân cách* thì cấu trúc nhân cách gồm hai mặt thống nhất là Đức và Tài (phẩm chất và năng lực).

Đức hiểu theo nghĩa rộng là phẩm chất bao gồm:

+ Phẩm chất xã hội: thế giới quan, niềm tin, lí tưởng, lập trường, thái độ chính trị, thái độ lao động v.v.

+ Phẩm chất cá nhân: nết, nền nếp, thói quen, các ham muốn.

+ Phẩm chất ý chí: kỉ luật, tự chủ, cả quyết phê phán v.v.

+ Cung cách ứng xử: tác phong, lễ tiết, tính khí v.v.

Tài được hiểu là cốt lõi của năng lực bao gồm :

+ Năng lực xã hội hoá: khả năng thích ứng, năng lực sáng tạo, động cơ, sự mềm dẻo, linh hoạt trong cuộc sống xã hội.

+ Năng lực chủ thể hoá: khả năng biểu hiện tính độc đáo, đặc sắc, khả năng biểu hiện bản lĩnh cá nhân, thể hiện những cái riêng của mình.

+ Năng lực hành động: khả năng hành động có mục đích, có điều kiện, chủ động, tích cực.

+ Năng lực giao tiếp: khả năng thiết lập quan hệ với người khác.



Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu chương trình *Con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (KX 04), giai đoạn 1996-2000, do Hội đồng khoa học TU quản lí (do các tác giả Nguyễn Đức Bình, Phạm Minh Hạc chủ trì) thì cấu trúc nhân cách gồm các thành phần đạo đức chính trị, sự phát triển trí tuệ, sự phát triển thể chất, sự phát triển thẩm mĩ, năng lực hoạt động xã hội và nghề nghiệp.

Ngoài ra, các tác giả còn đưa ra cấu trúc nhân cách bao gồm bốn nhóm thuộc tính tâm lí: xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực.

Tóm lại, theo các quan điểm trên thì năng lực là một thành tố cơ bản trong cấu trúc nhân cách, góp phần làm nên nhân cách người thầy giáo.

## ***2- Cấu trúc nhân cách người giáo viên***

Các thành phần cốt lõi trong nhân cách của người giáo viên là phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm.

*Thứ nhất:* Thế giới quan khoa học, niềm tin và lí tưởng sư phạm, đạo đức cách mạng và trình độ văn hoá cao.

*Thứ hai:* Thái độ tích cực đối với hoạt động sư phạm, chí hướng và xu hướng sư phạm. Đây là phẩm chất nghề nghiệp thiết yếu của người giáo viên.

*Thứ ba:* Năng lực sư phạm.

*Thứ tư:* Hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo nghề sư phạm.

Bốn thành tố trên sẽ cùng với một số đặc điểm tâm lí đặc trưng của nhân cách về mặt trí tuệ, tình cảm và ý chí liên quan mật thiết với nhau, tạo thành một tổng thể thống nhất, phù hợp với những yêu cầu của hoạt động sư phạm.

Nhiệm vụ sư phạm trong cấu trúc nhân cách của người thầy giáo bao gồm nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

*\* Các nhiệm vụ dạy học bao gồm :*

- Thiết kế.
- Lựa chọn tri thức.
- Phân loại, phối hợp các phương pháp dạy học
- Nắm vững đối tượng.
- Khả năng ngôn ngữ, diễn đạt ý tưởng.
- Sử dụng các phương tiện dạy học.
- Tổ chức, quản lí, điều khiển học sinh.
- Ứng xử nhanh, đúng các tình huống có vấn đề trong dạy học.
- Thuyết phục học sinh.

- Kiểm tra đánh giá kết quả dạy học.
- \* *Các nghiệp vụ giáo dục*
- Xây dựng kế hoạch.
- Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động giáo dục.
- Khả năng đối xử cá biệt.
- Điều chỉnh hoạt động giáo dục.
- Thuyết phục, cảm hoá học sinh.
- Vận động, lôi cuốn, phối hợp giáo dục.
- Xây dựng tập thể học sinh.
- Giao tiếp, ứng xử sư phạm.

Nghiệp vụ dạy học và giáo dục thống nhất biện chứng cùng với các yếu tố khác trong nhân cách người thầy giáo.

*Yêu cầu về mặt sức khoẻ* : Giáo viên cần phải có sức khoẻ tốt thì mới có thể hoàn thành tốt được nhiệm vụ của mình.

### ***Các biện pháp rèn luyện phẩm chất và năng lực của người giáo viên***

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách của giáo viên là quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp. Để xứng đáng là thầy giáo thì cần phải tự học và rèn luyện liên tục.

Quá trình đào tạo ở trường sư phạm mới chỉ mang lại cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tối thiểu để dạy học và giáo dục. Muốn trở thành một thầy giáo giỏi thì phải vừa công tác vừa rút kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học giáo dục, học tập đồng nghiệp và luôn luôn kiểm tra đánh giá bản thân nhằm không ngừng điều chỉnh và hoàn thiện nhân cách sư phạm.

Thế hệ trẻ ngày một khác, yêu cầu mới xuất hiện ngày càng nhiều và đòi hỏi cao, năm nay khác với năm trước, thì người giáo viên cũng phải không ngừng học tập, thay đổi bản thân cho phù hợp với yêu cầu mới.

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách của người giáo viên :

- *Quá trình học tập và rèn luyện ở trường phổ thông* với sự tiếp xúc, quan hệ trong môi trường nhà trường đã hình thành nên những phẩm chất và khả năng ban đầu của người sinh viên sư phạm trong tương lai.

- *Quá trình học tập, nghiên cứu, phấn đấu, rèn luyện theo mục tiêu và chương trình đào tạo người giáo viên ở các trường sư phạm.*

+ Học các học phần chung với định hướng và làm cơ sở cho các học phần chuyên ngành sư phạm.

+ Nghiên cứu các học phần chuyên ngành sư phạm cơ bản và nâng cao.

- + Định hướng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
- + Học tập kinh nghiệm giảng dạy của các giảng viên.
- + Thực hiện các học phần thực tế và thực tập sư phạm.
- + Tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và các hoạt động xã hội khác gắn với định hướng nghề sư phạm.

- *Quá trình công tác giảng dạy, giáo dục*

- + Luôn luôn rút kinh nghiệm nghề nghiệp.
- + Tích cực rèn luyện hoàn thiện nghiệp vụ sư phạm.
- + Tích cực tự học và tham gia các lớp bồi dưỡng giáo viên.
- + Sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, trao đổi với đồng nghiệp.
- + Tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động khác ở trên lớp và ngoài giờ lên lớp.

## **II. Đặc điểm của lao động sư phạm**

Hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của xã hội, đối với tương lai của thế hệ trẻ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao về nghề sư phạm và vai trò của người thầy giáo trong xã hội của chúng ta là một nghề cao quý, là một loại lao động vinh quang, là những anh hùng vô danh. Lao động sư phạm là một dạng lao động nghề nghiệp đặc biệt, là một dạng lao động sáng tạo, đó là sự sáng tạo ra con người về mặt nhân cách, thể hiện ở mục đích sư phạm, đối tượng và công cụ sư phạm và các yếu tố khác.

### **2.1- Mục đích của lao động sư phạm**

Lao động sư phạm là loại lao động có mục đích cao cả. Việc xác định mục đích sư phạm giúp cho người thực hiện có sự định hướng trước và có căn cứ để xem xét kết quả hoạt động sư phạm. Mục đích của lao động sư phạm là nhằm giáo dục cho học sinh phấn đấu học tập và rèn luyện để hình thành và phát triển nhân cách phù hợp, giúp cho học sinh có khả năng học lên bậc học cao hơn. Nói cách khác, lao động sư phạm góp phần sáng tạo ra con người, tái sản xuất sức lao động và phát triển mọi khả năng cho học sinh, là sự chuẩn bị cho tương lai.

Lao động sư phạm là quá trình tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh.

Trong đó giáo viên là những người có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ dạy học và giáo dục; là người được xã hội trao cho nhiệm vụ chuẩn bị cho trẻ em bước vào cuộc sống tương lai. Học sinh có nhiệm vụ học tập và rèn luyện để trở thành người có văn hoá, tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại, hình thành được những kĩ năng, kĩ xảo lao động trí óc và chân tay, sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động và học tập suốt đời.

Mục đích giáo dục quy định cách thức tổ chức hoạt động giáo dục, chọn lựa nội dung, phương pháp giáo dục và thiết lập các mối quan hệ giáo dục. Nếu mục đích giáo dục là đào tạo học sinh thành những người phục tùng vô điều kiện quyền uy của kẻ thống trị thì phương pháp giáo dục sẽ là áp đặt, cưỡng bức, roi vọt. Còn mục đích giáo dục là hình thành và phát triển nhân cách tích cực, chủ động, sáng tạo thì nội dung và phương pháp giáo dục phải phù hợp với nguyện vọng, ước mơ của học sinh và những yêu cầu khách quan của cuộc sống tương lai, tạo điều kiện cho học sinh tự giác tự giáo dục.

## ***2.2- Đối tượng của lao động sư phạm***

Lao động sư phạm có đối tượng là thế hệ trẻ có ý thức; là những trẻ em có đời sống đa dạng với nhiều mối quan hệ không đơn giản. Vì vậy mà đòi hỏi các thầy cô giáo cần hiểu rõ học sinh về nhiều mặt để có sự chọn lựa nội dung và phương pháp giáo dục tích cực, phù hợp.

Đối tượng của lao động sư phạm có những đặc điểm cụ thể sau :

- Học sinh không chỉ chịu sự tác động của các giáo viên, của các lực lượng giáo dục ở nhà trường mà còn chịu ảnh hưởng của các nhân tố khác như: gia đình, bạn bè, các lực lượng xã hội, các phương tiện thông tin và các phương tiện giao tiếp khác. Tất cả các tác động khác nhau đó có khi thống nhất theo hướng tích cực nhưng cũng có khi không thống nhất với nhau, có định hướng rõ ràng nhưng cũng có cả những ảnh hưởng ngẫu nhiên, tự phát theo nhiều mức độ và cách thức khác nhau, các tình huống diễn ra sự tác động cũng mang màu sắc riêng, cụ thể. Vì vậy, chủ thể lao động sư phạm cần có khả năng phối hợp, thống nhất các ảnh hưởng và tác động theo hướng tích cực; chuẩn bị cho học sinh có khả năng tự giáo dục.

- Học sinh - đối tượng của lao động sư phạm phát triển nhân cách vừa theo quy luật của tự nhiên vừa theo quy luật của sự phát triển xã hội chứ không phải theo ý muốn chủ quan của nhà giáo dục; theo quy luật của sự hình thành và phát triển nhân cách con người, của tâm lí, thể chất và xã hội. Có khi cùng một tác động sư phạm nhưng kết quả có thể khác nhau do nhiều lí do như sự hưởng ứng như thế nào của trẻ, hoàn cảnh điều kiện cụ thể, tình cảm, thái độ trong những tình huống nhất định.

- Trong quá trình sư phạm, học sinh không phải chỉ là đối tượng tác động của giáo viên mà còn là chủ thể của các hoạt động sư phạm. Quá trình tác động của giáo viên đến học sinh chỉ có thể có kết quả tích cực khi phát huy được vai trò chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ em khi tham gia hoạt động giáo dục. Kết quả của lao động sư phạm phụ thuộc vào nhân cách của giáo viên; vào mối quan hệ của giáo viên với học sinh và với những người khác.

### ***2.3- Công cụ của lao động sư phạm***

Giáo viên khi thực hiện lao động sư phạm cần sử dụng những công cụ đặc biệt, không chỉ là các phương tiện, đồ dùng dạy học và giáo dục mà còn bằng cả trí tuệ, tâm hồn, tình cảm, nhân cách của người thầy giáo. Thầy giáo không chỉ là một người có nhân cách tốt mà còn biết sử dụng cái tốt như một phương tiện giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh. Nghề dạy học với đối tượng là con người; chỉ có con người chân chính mới có thể giáo dục học sinh thành người chân chính. Lao động sư phạm là một loại lao động đòi hỏi rất cao không chỉ về năng lực sư phạm mà còn cả những phẩm chất nghề nghiệp đặc biệt như đạo đức, lí tưởng tích cực.

### ***2.4- Sản phẩm của lao động sư phạm***

Sản phẩm lao động sư phạm là nhân cách của học sinh; không phải làm ra để trao đổi, mua bán mà là sự gửi gắm vào đó những hi vọng cao cả, là ước mơ vươn tới của dân tộc, của con người. Trải qua quá trình sư phạm, nhân cách của trẻ được hình thành và phát triển nhằm đáp ứng được những yêu cầu tích cực của tương lai đối với con người. Sự vinh quang của nghề dạy học thể hiện ở giá trị làm người của học sinh; ở nhân cách học sinh - sản phẩm của lao động.

Sản phẩm của lao động sư phạm phản ánh chất lượng giáo dục, chính là chất lượng nhân cách của học sinh. Kết quả của lao động sư phạm của người giáo viên là kết quả học tập và rèn luyện của học sinh đáp ứng được các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ đạt chuẩn và vượt chuẩn về chất lượng giáo dục

Việc đánh giá sản phẩm giáo dục không thể tùy tiện theo suy nghĩ chủ quan của thầy và trò mà cần phải đảm bảo tính khách quan theo yêu cầu học lên và hoàn thiện nhân cách theo các yêu cầu mới đang đặt ra của sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ.

### ***2.5- Môi trường sư phạm***

Môi trường là điều kiện tự nhiên - xã hội cần cho hoạt động sống của con người; có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động và giao tiếp của con người, là yếu tố không thể thiếu được trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

Môi trường sư phạm là điều kiện, hoàn cảnh sư phạm cần cho hoạt động của giáo viên và học sinh. Những phương tiện, điều kiện, hoàn cảnh đó phải đáp ứng được những yêu cầu chuẩn mực sư phạm đồng thời không xa rời thực tế cuộc sống.

Thầy và trò sống thực trong môi trường thực nhưng có sự định hướng tới tương lai; những yêu cầu của cuộc đời tương lai phản ảnh trong điều kiện và hoàn cảnh hiện tại.

Các yếu tố tự nhiên và xã hội được thầy và trò tiếp cận tích cực cho sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Sự tương tác giữa học sinh với môi trường là sự tương tác biện chứng của những yếu tố bên trong cơ thể, tâm hồn của học sinh với những yếu tố bên ngoài đang diễn ra sôi động xung quanh trẻ. Môi trường sư phạm là một loại môi trường được chọn lựa, được xây dựng có mục đích sư phạm nhưng không giả tạo. Môi trường sư phạm không chỉ được xây dựng ở trường mà còn được thể hiện ở gia đình, ở cộng đồng với nhiều phương tiện, điều kiện, hoàn cảnh đa dạng phong phú, được sử dụng tích cực vào quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh. Các điều kiện tự nhiên - xã hội được thầy và trò sử dụng hướng tới mục đích sư phạm tốt đẹp; trong đó chứa đựng những ảnh hưởng tự giác với những hoạt động và giao tiếp được tổ chức có kế hoạch, với vai trò chủ đạo của thầy và vai trò chủ động của học sinh.

Lao động sư phạm đòi hỏi người giáo viên tập trung tâm sức, thời gian và tài năng vì lợi ích của học sinh, của xã hội; chứ không phải vì mưu cầu lợi ích cho riêng cá nhân giáo viên. Việc dạy và học cần phải đem lại cho nhân dân, cho học sinh lợi ích cơ bản lâu dài, góp phần cho sự phát triển phồn vinh của xã hội và hoàn thiện nhân cách. Thầy giáo dạy cho học sinh trở thành những con người hữu ích cho quốc gia, cho nhân loại.

Tóm lại, lao động sư phạm là một loại lao động đặc biệt khác với các loại lao động khác thể hiện ở mục đích, đối tượng, công cụ và sản phẩm lao động là con người, là nhân cách. Sinh viên sư phạm nên nghiêm túc suy ngẫm về đặc điểm của lao động sư phạm để rút ra được những bài học cần thiết cho sự hình thành và phát triển nhân cách người giáo viên phù hợp với yêu cầu của thời đại, của đất nước và hi vọng, niềm tin của học sinh, của nhân dân.

#### ❖ Câu hỏi củng cố:

1. Trình bày vai trò, chức năng của người giáo viên?
2. Người giáo viên có nhiệm vụ và quyền hạn như thế nào?
3. Trình bày các biện pháp rèn luyện phẩm chất của người giáo viên?
4. Phân tích các năng lực sư phạm và cho ví dụ minh họa?
5. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời đại ngày nay, người giáo viên phải là người như thế nào? Từ đó rút ra những kết luận sư phạm?
6. Phân tích các đặc điểm của lao động sư phạm và liên hệ với môi trường giáo dục hiện nay?
7. Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách như thế nào để khuyến khích giáo viên phát huy vai trò của họ ?

### **Bài tập về nhà:**

**Tình huống 1:** Trong khi chấm bài kiểm tra viết một tiết, bạn nhận thấy có một trường hợp xuất sắc “đột xuất”: bài của một em có sức học chỉ vào loại trung bình yếu nhưng lại rất tốt, xứng đáng được nhận điểm tuyệt đối. Trong giờ trả bài, bạn sẽ chọn cách xử lý nào sau đây:

- a. Cho điểm cao đúng như những gì thể hiện trong bài và khen ngợi em học sinh đó trước toàn lớp.
- b. Tỏ thái độ nghi ngờ, và không cho điểm vào bài đó vì lý do em đó có thể quay cóp hoặc chép bài của người khác.
- c. Khen ngợi em đó đã có kết quả làm bài tốt và mời em đó lên bảng trình bày lại cho cả lớp nghe để cùng học tập.

**Tình huống 2:** Một lần do đồng nghiệp của bạn bị ốm phải nghỉ dạy, bạn được phân công dạy thay. Sau khi kết thúc bài giảng, bạn hỏi các em: “Thầy dạy thế các em có hiểu bài không?”. Các em trả lời: “Thầy dạy hay lắm ạ. Cô A. dạy chúng em chẳng hiểu gì cả. Hay là thầy dạy luôn lớp em đi ạ”. Vào tình huống này bạn chọn cách xử lý nào trong 3 cách sau:

- a. Mỉm cười, im lặng không nói gì.
- b. Phê bình các em, tỏ thái độ không thích khi các em nói “xấu” cô giáo A
- c. Giải thích cho các em hiểu mỗi người có một phương pháp dạy riêng, không nên phê phán cô A. dạy không hay.

**Tình huống 3:** Trong giờ trả bài kiểm tra 15 phút, một em học sinh đứng lên thắc mắc với bạn một cách gay gắt: “Tại sao em không có bài?”. Bạn xử lý như thế nào?

1. Bạn rất bức và quay lại nói: “Tôi thu bao nhiêu bài thì tôi trả bấy nhiêu, không thể biết được tại sao em không có bài”.
2. Bạn giật mình và nghĩ có thể đã để mất bài của học sinh ở đâu đó nên bạn nói không lấy điểm lần này của em đó nữa.
3. Bạn bình tĩnh nói với học sinh đó là lát nữa hết giờ bạn sẽ kiểm tra lại rồi sẽ có câu trả lời chính xác.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỀ BIÊN SOẠN NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Hà Thị Đức, (2002) *Giáo dục học đại cương*, Đại học Huế.
2. Đặng Vũ Hoạt và Nguyễn Hữu Hợp, (1998) *Giáo dục học tiểu học I*, Nhà xuất bản giáo dục (NXBGD).
3. Trần Thị Tuyết Oanh (2006), *Giáo trình giáo dục học*, tập 1,2 , NXB ĐHSP.
4. Hà Thị Mai (2013) *Giáo trình giáo dục học đại cương*, ĐHDL, tài liệu lưu hành nội bộ
5. Hà Thế Ngữ và Đặng Vũ Hoạt, (1997) *Giáo dục học tập I*, NXBGD.
6. Hà Thế Ngữ (2001) *Giáo dục học – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHQG Hà Nội.
7. Nguyễn Sinh Huy và Nguyễn Hữu Dũng, (1998) *Giáo dục học*, NXBGD.
8. Nguyễn Sinh Huy và Nguyễn Văn Lê, ( 1999), *Giáo dục học đại cương*, NXBGD.
9. Trần Thanh Hương, Nguyễn Thị Bích Hạnh (2009), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐH Sư Phạm TPHCM.
10. Nguyễn Văn Tuấn (2009), *Dự án giáo dục tiểu học*, Trường ĐHSPTK TPHCM.
11. Hồ Văn Liên (2009) *Giáo trình Giáo dục học Đại cương* ĐHSP,TPHCM.
12. Phạm Viết Vượng, (2001) *Giáo dục học*, NXBĐHQGHN.
13. Iu.C.Babanxki, (1986) *Giáo dục học* (Lê Khánh Trường dịch), ĐHSP TP.HCM

## **❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỀ NGHỊ CHO HỌC VIÊN:**

1. Trần Thị Tuyết Oanh (2006), *Giáo trình giáo dục học*, tập 1,2 , NXB ĐHSP
2. Đỗ Thế Hưng (2007), *Tình huống dạy học môn Giáo dục học*, NXB ĐHSP
3. Phạm Viết Vượng (2008), *Bài tập Giáo dục học*, NXBĐHQGHN

---

<sup>i</sup> Nguyễn Văn Tuấn (2008)